



**BAN DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC**

# **TÀI LIỆU**

**HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2023  
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024**

**THÁNG 01 NĂM 2024**

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**Hội nghị tổng kết công tác Dân tộc năm 2023**  
**Phương hướng nhiệm vụ năm 2024**

*Thời gian:* 13 giờ 30 - 16 giờ 30, ngày 19/01/2024 (Thứ 6)

*Địa điểm:* Hội trường Ban Dân tộc.

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Người thực hiện</b>
1	Đón, tiếp đại biểu	Công chức, Lao động
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thông qua Chương trình hội nghị	Ông Nguyễn Minh Trí - Chánh Văn phòng
3	Thông qua báo cáo tóm tắt kết quả triển khai thực hiện công tác dân tộc năm 2023, phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2024	Ông Nguyễn Lương Nhân - Phó Trưởng ban
4	Phát biểu chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh	Bà Trần Tuyết Minh - PCT UBND tỉnh
5	Phát biểu tiếp thu của Trưởng Ban Dân tộc	Ông Điều Nen - Trưởng ban
6	Thông qua Báo cáo tóm tắt sơ kết 3 năm thực hiện Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số”	Bà Nguyễn Thị Thắm – Tp. Tuyên truyền và Địa bàn
7	Báo cáo tham luận của các sở, ngành, huyện	Đại biểu sở, ngành, huyện
8	Trao đổi, thảo luận của đại biểu	Đại biểu dự hội nghị
9	Giải trình, tiếp thu của Ban Dân tộc	Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Trưởng các phòng
10	Phát biểu kết luận và bế mạc Hội nghị	Ông Điều Nen - Trưởng ban

**BAN TỔ CHỨC**

## PHỤ LỤC

1	Báo cáo kết quả công tác dân tộc năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc năm 2024	1
2	Báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Phước	18
3	Báo cáo Sơ kết đánh giá việc thực hiện “Đề án Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2025”	31
4	PHÁT BIỂU THAM LUẬN	
4.1	Kết quả thực hiện công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho đồng bào dtts năm 2023, kế hoạch năm 2024	46
4.2	Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số; gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh	50
4.3	Thuận lợi, khó khăn, tồn tại, nguyên nhân trong triển khai thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2023 trên địa bàn huyện; Kiến nghị, đề xuất các giải pháp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới đơn vị huyện Lộc Ninh	53
4.4	Thuận lợi, khó khăn, tồn tại và nguyên nhân trong việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng DTTS&MN trên địa bàn huyện; đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới và kiến nghị huyện Bù Gia Mập	57
4.5	Về kết quả thực hiện các biện pháp ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng dân tộc thiểu số từ năm 2018 đến năm 2023 trên địa bàn huyện Bù Đăng	65
4.5	Đánh giá kết quả triển khai thực hiện công tác phát huy vai trò của già làng tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới huyện Hớn Quản	72

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**BAN DÂN TỘC** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-BDT Bình Phước, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Kết quả công tác dân tộc năm 2023**  
**và phương hướng nhiệm vụ công tác dân tộc năm 2024**  
*(Tài liệu phục vụ Hội nghị Tổng kết)*

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và kế hoạch công tác dân tộc năm 2023 được UBND tỉnh phê duyệt tại Công văn số 319/UBND-KGVX ngày 03/02/2023. Ban Dân tộc tổng hợp báo cáo kết quả công tác dân tộc năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024, cụ thể như sau:

**I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy, chính quyền địa phương**

**1.1 Cấp tỉnh**

Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh, trong đó:

- Ban hành Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện công tác dân tộc và các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh năm 2023;

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và năm 2023 trên địa bàn tỉnh<sup>1</sup>; Tổ chức 17 phiên họp trực tuyến định kỳ từ UBND tỉnh đến UBND cấp huyện để chỉ đạo thực hiện giải ngân nguồn vốn năm 2022, phân bổ kế hoạch nguồn vốn năm 2023 của Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng DTTS&MN;

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2023<sup>2</sup>;

- Triển khai thực hiện tổng kết, đánh giá thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016-2022; Sơ kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một

<sup>1</sup> Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

<sup>2</sup> Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015;

- HĐND tỉnh, ban hành kế hoạch tổ chức 05 đợt giám sát thực hiện các chương trình dự án, chính sách dân tộc<sup>3</sup>.

## **1.2 Cấp huyện**

UBND cấp huyện đã thường xuyên quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh đến các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường về công tác dân tộc.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai của UBND tỉnh và Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa, nhất là đối với các nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*Chương trình mục tiêu quốc gia 1719*), Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS năm 2023.

## **2. Công tác tham mưu của Cơ quan công tác dân tộc**

### **2.1. Tổ chức bộ máy của cơ quan công tác dân tộc**

a) Ban Dân tộc:

- Tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy của Ban Dân tộc theo Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước, đồng thời ban hành Quyết định số 55/QĐ-BDT ngày 01/8/2023 của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước ban hành quy chế làm việc của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước<sup>4</sup>.

b) Cấp huyện hiện có: 20 biên chế thuộc 05 Phòng Dân tộc và 01 Phòng Dân tộc - Tôn giáo; 12 biên chế kiêm nhiệm theo dõi, thực hiện công tác dân tộc thuộc Văn phòng HĐND-UBND của 06 huyện, thị xã, thành phố.

### **2.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao**

a) Ban Dân tộc tỉnh

Đã triển khai, thực hiện hoàn thành 06/06 nhiệm vụ UBND tỉnh giao năm 2023 tại Chương trình số 379/CTR-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh.

Ban hành 1.256 văn bản tham mưu chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ đề ra<sup>5</sup>, theo từng nhóm nhiệm vụ (1) Văn phòng

<sup>3</sup> Giám sát việc triển khai thực hiện: (1) CTMTQG 1719; (2) Quyết định 1557/QĐ-TTg về các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững; Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030 (3) Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc giai đoạn 2016 - 2022; (4) Bình đẳng giới trong đồng bào DTTS giai đoạn 2018 - 2025.

<sup>4</sup> Ban Dân tộc đã thực hiện hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong cơ quan giảm từ 05 Phòng xuống còn 03 Phòng, gồm: Văn phòng; Phòng Chính sách Dân tộc, Phòng Tuyên truyền và Địa bàn. Hiện nay, Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước có 15 công chức/16 biên chế và 04 Hợp đồng lao động;

<sup>5</sup> Trong đó có: 745 công văn; 208 báo cáo; 115 quyết định; 94 tờ trình; 55 kế hoạch; 39 thông báo.

ban, (2) Thanh tra ban, (3) Chính sách dân tộc, (4) Tuyên truyền và Địa bàn, (5) Kế hoạch Tổng hợp, chưa bao gồm các văn bản của Chi bộ cơ sở Ban Dân tộc, Công đoàn cơ sở Ban Dân tộc, BCH quân sự cơ quan Ban Dân tộc.

Kết quả đã thực hiện hoàn thành 188/198 nhiệm vụ theo kế hoạch công tác năm, 10 nhiệm vụ chưa thực hiện được do nguyên nhân khách quan<sup>6</sup>.

Các hoạt động tổ chức bộ máy, hành chính quản trị, hành chính tổng hợp, thi đua khen thưởng; Công tác pháp chế, thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân; tổ chức các đoàn, tặng quà động viên đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) nói chung và người có uy tín, già làng tiêu biểu nói riêng nhân các dịp lễ, tết được thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, kế hoạch công tác năm.

- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện công tác dân tộc và các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh năm 2023;

- Tham mưu báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 10/9/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc giai đoạn 2016 – 2023.

- Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016-2022;

- Báo cáo sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015;

- Báo cáo sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới;

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh, tầm nhìn đến năm 2045 của cơ quan Ban Dân tộc và theo dõi, đôn đốc các ngành, địa phương thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh, tầm nhìn đến năm 2045, theo Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến 2045.

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh sách Người có uy tín, Già làng tiêu biểu trong đồng bào DTTS giai đoạn 2023 – 2027; đôn đốc cấp huyện triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ như người có uy tín; tổ chức thăm hỏi, động viên, chúc mừng 30 già làng tiêu biểu nhân Tết Nguyên đán; tổ chức 04 đợt thăm hỏi già làng ốm đau, hiếu hỷ; phối hợp UBMTTQVN tỉnh tuyên dương 25 già làng tiêu biểu điển hình năm 2022; Tổ chức 01 Đoàn 40 người, trong đó có 32 người

<sup>6</sup> 10 nhiệm vụ chưa thực hiện được do vướng mắc về cơ chế chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia 1719; thay đổi một số quy định trong TT 02/2023/TT-UBND; chờ quy định về nội dung, định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chung của tỉnh; do sắp xếp tổ chức bộ máy...

có uy tín của tỉnh đi tham quan, học tập kinh nghiệm các tỉnh phía Bắc năm 2023; tổ chức Đoàn đại biểu 35 người, trong đó có 27 già làng tiêu biểu đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh miền Tây Nam bộ. Theo dõi đôn đốc, hướng dẫn và triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định<sup>7</sup>.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức Lễ tuyên dương người có uy tín, già làng, trưởng thôn, cán bộ nông cốt, nhân sĩ trí thức, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người DTTS lần thứ I năm 2023. Cử đại biểu người có uy tín dự “Chương trình biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số toàn quốc năm 2023” và văn bản giao nhiệm vụ tham gia Chương trình tuyên dương người có uy tín tiêu biểu toàn quốc năm 2023.

- Chỉ đạo triển khai, thực hiện: Kết luận Thanh tra Ủy ban Dân tộc về kết quả triển khai thực hiện Chương trình 135 và một số chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc tại tỉnh Bình Phước; Kiến nghị của HĐND tỉnh qua báo cáo giám sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Phối hợp Vụ Pháp chế (Ủy ban Dân tộc) tổ chức thành công Hội thảo chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm, phổ biến giáo dục pháp luật khu vực Đông Nam bộ với gần 220 đại biểu của 4 tỉnh Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tây Ninh tham dự.

- Phối hợp tham mưu trình đề nghị Thủ tướng chính phủ tặng 01 Bằng khen, Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc tặng 06 Bằng khen cho các cá nhân tại Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số toàn quốc năm 2023.

- Phối hợp tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng Bằng khen cho 08 tập thể và 94 cá nhân tiêu biểu trong công tác dân tộc<sup>8</sup>;

- Thực hiện khen thưởng Giấy khen của Trưởng Ban Dân tộc cho 08 tập thể và 204 cá nhân điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2023.

- Phối hợp tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về tổng kết công tác dân tộc năm 2022, triển khai nhiệm vụ công tác năm 2023 tại điểm cầu của tỉnh.

---

<sup>7</sup> Tổ chức 07 hội nghị bồi dưỡng kiến thức cho 364 người uy tín, 93 già làng tiêu biểu trong vùng DTTS. Tổ chức đoàn đại biểu người có uy tín tham quan, học tập kinh nghiệm các tỉnh phía Bắc, Cơ quan TW tại Hà Nội. Tổ chức đoàn đại biểu già làng tiêu biểu tham quan học tập kinh nghiệm các tỉnh miền Trung. Thăm hỏi, động viên, chúc mừng 80 người uy tín, 20 già làng nhân Tết Nguyên đán năm 2022; Thăm hỏi, động viên 04 trường hợp ốm đau, qua đời, gặp thiên tai, hỏa hoạn. Cung cấp thông tin, báo chí cho người có uy tín, già làng tiêu biểu. Tặng điện thoại cho 17 người uy tín. Tiếp đón, hướng dẫn 02 đoàn đại biểu người có uy tín tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai đến tham quan, học tập kinh nghiệm; hỗ trợ 02 Đoàn người uy tín, già làng tiêu biểu của huyện Bù Gia Mập và huyện Hớn Quản đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

<sup>88</sup> 48 bằng khen cho cá nhân dân tộc thiểu số tiêu biểu năm 2022; 04 Bằng khen tập thể và 39 Bằng khen cá nhân, điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS & MN tỉnh giai đoạn 2021 - 2023; 04 Bằng khen tập thể và 07 Bằng khen cá nhân tiêu biểu trong tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 52/2016/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2022.

- Tổ chức 18 phiên họp trực tuyến định kỳ từ UBND tỉnh đến UBND cấp huyện, chỉ đạo thực hiện giải ngân nguồn vốn năm 2022, phân bổ kế hoạch nguồn vốn năm 2023 của Chương trình mục tiêu quốc gia 1719; Chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2023;

- Tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính thẩm định hồ sơ 138 sinh viên DTTS đăng ký thụ hưởng chế độ chính sách năm học 2022-2023<sup>9</sup> với kinh phí 1.037,545 triệu đồng theo chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh ban hành tại Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh.

- Tiếp, làm việc 05 Đoàn giám sát HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện một số chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia 04 đoàn giám sát các chương trình, chính sách dân tộc có liên quan do các sở, ngành tỉnh tổ chức;

- Thành lập 01 đoàn thanh tra, 02 đoàn kiểm tra việc thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn 09 huyện, thị xã (trừ thành phố Đồng Xoài và thị xã Phước Long).

- Tổ chức các đoàn, tặng quà động viên đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và người có uy tín, già làng tiêu biểu nói riêng nhân các dịp lễ, tết được thực hiện đảm bảo. Tổng kinh phí thực hiện 492 triệu đồng<sup>10</sup>.

- Tham mưu đề xuất giải quyết kiến nghị chia lợi nhuận, ký kết hợp đồng liên doanh trồng cao su trên đất được cấp đất theo Chương trình 134 giữa người dân với Công ty cao su Phú Thịnh theo đề nghị của UBND huyện Phú Riềng.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023.

- Báo cáo đánh giá về cơ sở pháp lý, thực tiễn triển khai thực hiện “Mô hình làng thanh niên dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước”. Đồng thời đề xuất điều chỉnh đưa ra khỏi chương trình làm việc năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện biên tập, xuất bản, phát hành Bản tin Dân tộc thiểu số và miền núi theo định kỳ 02 tháng/số; biên tập đăng tải tin, bài tuyên truyền trên Trang Website, Fanpage Ban Dân tộc về hoạt động công tác dân tộc của tỉnh; biên soạn phát hành tờ gấp pháp luật và các Hội nghị tuyên truyền về hôn nhân và gia đình, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết; phòng, chống tác hại của thuốc lá cho người dân tộc thiểu số.

- Tiếp, làm việc với Đoàn đại biểu người có uy tín trong đồng bào DTTS tỉnh Kon Tum, thành phố Cần Thơ, Tây Ninh, An Giang; đoàn cán bộ tỉnh Lào Cai, Đắk Lắk, Quảng Nam, Lâm Đồng, Bình Thuận đến giao lưu, học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng DTTS&MN.

<sup>9</sup> UBND tỉnh đã phê duyệt bổ sung kinh phí tại Công văn số 4055/UBND-TH ngày 09/11/2023.

<sup>10</sup> Hội đồng dân tộc Quốc Hội hỗ trợ 50 triệu đồng, Ủy ban Dân tộc tặng 28 triệu đồng, nguồn vận động tài trợ 260 triệu đồng, kinh phí nghiệp vụ ngành của Ban Dân tộc 154 triệu đồng.



- Tham gia Hội thao chào mừng kỷ niệm 77 năm ngày truyền thống cơ quan công tác dân tộc lần thứ X năm 2023 (03/05/1946-03/05/2023) tại tỉnh Quảng Ngãi; Tổ chức họp mặt kỷ niệm 77 năm ngày truyền thống cơ quan công tác dân tộc tỉnh;

- Xây dựng kế hoạch và chủ trì tổ chức thành công Hội thao khối thi đua số 6 với 09 đơn vị và 220 vận động viên tham gia, hiện đang tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của Khối trưởng khối thi đua số 6, dự kiến hoàn thành, bàn giao nhiệm vụ Khối trưởng trong Quý I năm 2024.

- Thực hiện chế độ báo cáo định, chuyên đề, đột xuất nhiệm vụ công tác dân tộc theo chức năng nhiệm vụ được giao<sup>11</sup>.

#### b) Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện

Đã chủ động phối hợp các đơn vị có liên quan tham mưu UBND cấp huyện ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn. Tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách do cơ quan công tác dân tộc quản lý, như:

- Tổ chức các đoàn thăm, tặng quà già làng tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào DTTS nhân dịp Tết Nguyên đán, tết đồng bào DTTS

- Tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nguồn vốn chương trình MTQG 1719 năm 2022, năm 2023. Tổ chức thực hiện một số Dự án thuộc chương trình MTQG 1719 được giao làm chủ đầu tư. Tổng hợp đề xuất cấp kinh phí và tham mưu phân bổ thực hiện nguồn vốn Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS.

- Thực hiện chính sách đối với già làng, người có uy tín trên địa bàn: thực hiện cấp xăng xe, mua bảo hiểm y tế; tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức và đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh Tây Ninh, Cà Mau, Bình Thuận và các huyện trong tỉnh<sup>12</sup>.

<sup>11</sup> Tổng hợp báo cáo: (1) Đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; (2) Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng DTTS&MN theo Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội; (3) Sơ kết thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015; (4) Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016-2022; (5) Kết quả 5 năm thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ; (6) Số liệu đối tượng thụ hưởng ấn phẩm báo, tạp chí năm 2023; (7) Kết quả kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh và chính sách đối với người có uy tín, già làng tiêu biểu tại huyện Bù Đăng và huyện Bù Gia Mập; (8) Báo cáo về tổ chức, hoạt động thanh tra Ban Dân tộc; (9) Thống kê công tác dân tộc theo Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/11/2018 của Ủy ban Dân tộc; (10) Kết quả triển khai đề án Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp sản xuất, chế biến sâu và xuất khẩu sản phẩm chủ lực có quy mô lớn theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới năm 2022; (11) Tổng kết 35 năm thu hút và quản lý nguồn vốn đầu tư nước ngoài; (12) Tình hình dân tộc Mông sinh sống, làm việc trên địa bàn tỉnh; (13) Kết quả 03 năm triển khai thực hiện công tác phòng, chống Covid-19; (14) Tình hình thực hiện Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS Việt Nam giai đoạn 2019-2025”.

<sup>12</sup> Các Phòng Dân tộc tổ chức thực hiện: thăm quan ngoài tỉnh gồm Đồng Phú, Hớn Quản, Bù Gia Mập; thăm quan trong tỉnh gồm: Bù Đăng, Lộc Ninh.

- Tham mưu triển khai thực hiện bình xét đề nghị khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân người DTTS tiêu biểu theo chỉ tiêu được giao.

- Thực hiện các nội dung báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của cơ quan cấp trên; thực hiện các hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật theo kế hoạch được duyệt.

## II. TÌNH HÌNH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ (DTTS)

### 1. Khái quát đặc điểm tình hình chung

Bình Phước là tỉnh thuộc khu vực Đông Nam bộ, có 03 huyện giáp Vương quốc Campuchia với đường biên giới 258,939km, có nhiều cửa khẩu và lối mở. Dân số toàn tỉnh có 1.034.667 người, có 40 thành phần DTTS sinh sống với 203.519 người (DTTS), chiếm 19,67%; sinh sống đan xen trên địa bàn 111 xã, phường, thị trấn của 11 huyện, thị xã, thành phố; chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp, tập trung ở địa bàn miền núi, vùng sâu, biên giới, có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh; có 58 xã khu vực III, II, I thuộc vùng DTTS&MN, gồm: xã khu vực III: 05 xã; xã khu vực II: 03 xã; xã khu vực I: 50 xã và 25 thôn ĐBK<sup>13</sup>.

### 2. Về sản xuất, đời sống

Các hoạt động sản xuất, thu nhập của các hộ đồng bào DTTS trên địa bàn chủ yếu từ trong nông nghiệp và theo từng mùa vụ của các loại cây trồng chính (*điều, cao su, cây ăn quả...*). Tình hình đời sống vùng DTTS cơ bản ổn định, công tác chăm lo an sinh xã hội cho đồng bào DTTS nghèo, khó khăn trên địa bàn tỉnh được chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp chăm lo đầy đủ<sup>14</sup>. Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội vùng DTTS cơ bản ổn định.

Tuy nhiên, theo báo cáo của các địa phương trên địa bàn tỉnh trong năm 2023 vẫn xảy ra những thiệt hại đáng kể đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn do giông, lốc xoáy làm 01 người chết, 01 căn nhà bị đổ sập, 04 hộ bị tóc mái hoàn toàn, 04 hộ bị tóc mái một phần, 47 hộ bị thiệt hại cây trồng các loại, ước tính thiệt hại khoảng hơn 2,6 tỷ đồng.

### 3. Về văn hóa - xã hội:

<sup>13</sup> Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

<sup>14</sup> Tổng số hộ nghèo đầu năm 2023 là 2.879 hộ (*trong đó có 1.711 hộ nghèo DTTS*) chiếm 1,03% hộ dân trên toàn tỉnh theo chỉ tiêu UBND tỉnh năm 2023 giảm 2.000 hộ nghèo, trong đó có giảm 1.170 hộ nghèo đồng bào DTTS (tương ứng 68,9% trên tổng số hộ DTTS). Qua rà soát hộ nghèo định kỳ cuối năm 2023, đến ngày 25/12/2023 toàn tỉnh có 2.200 hộ thoát nghèo (*hộ nghèo dân tộc thiểu số thoát nghèo là 1.344 hộ*) đạt 110% so với kế hoạch, đưa số hộ nghèo toàn tỉnh xuống 1.121 hộ nghèo (trong đó có 574 hộ nghèo DTTS, chiếm tỷ lệ 51,2% tổng hộ nghèo), tương đương 0,4% tổng hộ dân toàn tỉnh.

Toàn tỉnh có 20.954 đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ giúp thường xuyên; thực hiện Hỗ trợ gần 445 tấn gạo cứu đói; tặng gần 50.000 phần quà trị giá 25 tỷ đồng trong dịp tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023,...

*a) Về văn hóa - thông tin:*

Nhằm phối hợp triển khai thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu Tỉnh uỷ, UBND tỉnh cụ thể hóa các nội dung của Nghị định lĩnh vực ngành phục trách thông qua việc ban hành hơn 3.819 văn bản đề chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực quản lý của ngành; tiếp nhận và xử lý 379 hồ sơ thủ tục hành chính. Kết quả, công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc; công tác xây dựng đời sống văn hoá, bài trừ hủ tục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; công tác tổ chức các chương trình hoạt động, lễ hội và biểu diễn nghệ thuật các dân tộc thiểu số từ cấp tỉnh đến cơ sở được thực hiện đảm bảo. Trong năm, toàn ngành đã tổ chức tuyên truyền lưu động khoảng 100 buổi/năm (cấp tỉnh), 500 buổi/năm (cấp huyện) và tổ chức chiếu phim lưu động trung bình 850 buổi chiếu/năm; tổ chức trưng bày, triển lãm với hơn 1000 các hình ảnh, hiện vật về đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số; tiếp tục triển khai, thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học về bảo tồn, phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số; Suu tầm phục vụ trưng bày nhà dài truyền thống tại di tích Bom Bo, huyện Bù Đăng; Suu tầm hiện vật về văn 4 hóa truyền thống của người M' nông Bình Phước; Dự án phục dựng Lễ hội kết bạn của cộng đồng người M' nông... tổ chức thành công Lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và truyền dạy về bảo tồn, phát huy kỹ thuật chế biến rượu cần truyền thống của người S'tiêng tỉnh Bình Phước và tổ chức phục dựng "Lễ hội mừng lúa mới của người S'Tiêng" tỉnh Bình Phước tại Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng sóc Bom Bo, huyện Bù Đăng... Các hoạt động nêu trên đã góp phần tác động tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức cũng như hành động, đã loại bỏ dần những hủ tục lạc hậu trong đời sống thường nhật, từng bước tham gia thực hiện tốt chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Công tác đầu tư cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt văn hóa của người dân được quan tâm, đến nay toàn tỉnh có 111/111 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc Nhà Văn hóa, Hội trường cấp xã, đạt tỷ lệ 100%; 853/861 thôn, ấp, khu phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao.

Các hoạt động tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật, thông tin tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh được chú trọng, trong năm 2023 đã sản xuất phát hành trên 4 loại hình báo chí được 63.695 tin, bài (*tăng 100 tin, bài so với năm 2022*). Riêng Chương trình tiếng dân tộc S'tiêng, chương trình tiếng Khmer, đã đã đăng, phát 4.320 tin, 2.000 bài. Nội dung thông tin được xây dựng theo chủ đề riêng đa dạng phong phú, trong tất cả lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh qua đó lan tỏa những kết quả tích cực trong công tác dân tộc của tỉnh, đặc biệt là gương biểu biểu điển hình, mô hình về xóa đói giảm nghèo, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc.

*b) Về giáo dục - đào tạo và dạy nghề:*

Toàn tỉnh có 168/390 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 43,07%. Trong đó: cấp học THPT đạt 18/37 trường, chiếm 48,64%; cấp học THCS đạt

36/108 trường, chiếm 33,33%; cấp học tiểu học đạt 54/122 trường, chiếm 44,26%; cấp học mầm non đạt 60/123 trường, chiếm 48,78%.

Duy trì PCGDMN cho trẻ 5 tuổi; có 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 (đạt 100%), 11/11 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 3 (đạt 100%). Tỉnh đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3;

Có 10/111 đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức 1; 67/111 đơn vị cấp xã đạt chuẩn mức độ 2; 34/111 đơn vị cấp xã đạt chuẩn mức độ 3, Có 23/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục trung học.

Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú được quan tâm, đầu tư mở rộng với 07 trường (trong đó có 01 trường DTNT THPT đặt tại Trung tâm tỉnh lỵ; 02 trường DTNT THCS – THPT tại huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập; 04 trường DTNT THCS tại huyện Đồng Phú, Bù Đốp, Linh và thị xã Bình Long); Công tác tuyển sinh được tỉnh quan tâm thực hiện đảm bảo tỷ lệ của từng thành phần dân tộc thiểu số theo từng địa bàn, riêng đối với học sinh cấp Trung học phổ thông được tuyển sinh trên toàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng đầu vào, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người DTTS cho tỉnh<sup>15</sup>. Kết quả, tỷ lệ lên lớp thẳng của học sinh các khối 6, 7, 8, 10, 11 học tại các Trường phổ thông DTNT trên địa bàn tỉnh hàng năm đạt từ 98,7% trở lên; tỷ lệ tốt nghiệp THCS & THPT hàng năm đạt từ 98,99% trở lên<sup>16</sup>.

Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trẻ, học sinh, sinh viên tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/NĐ-CP ngày 18/07/2016; Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ<sup>17</sup>... được tỉnh triển khai thực hiện đầy đủ theo đúng quy định; Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cho con em DTTS vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới tiếp tục duy trì; Ngoài các chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh còn thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh DTTS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; sinh viên có hộ khẩu thường trú từ 03 năm trở lên tại các xã biên giới của tỉnh và các xã thuộc vùng khó khăn.

Công tác bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển tốt nghiệp ra trường thực hiện bố trí việc làm theo đúng chuyên ngành, 6 tháng đầu năm 2023 đã bố trí 03

<sup>15</sup> Công văn số 2647/UBND-KGVX ngày 05/8/2021 về việc tăng tỷ lệ học sinh DTTS thuộc nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp (Khmer, Stiêng, Mnông.); Công văn số 2001/UBND-NC ngày 01/8/2022 của UBND tỉnh về việc tỷ lệ đối tượng tuyển sinh lớp 6, lớp 10 vào các trường phổ thông dân tộc nội trú từ năm học 2022-2023; từ năm học 2023-2024, áp dụng Công văn số 1368/UBND-KGVX ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh về việc tỷ lệ đối tượng tuyển sinh lớp 6, lớp 10 vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2023-2024.

<sup>16</sup> Năm học 2022 – 2023, Tổng số học sinh các Phổ thông Trường Dân tộc Nội trú là 2.229 học sinh, trong đó: Trường Phổ thông DTNT THPT Bình Phước có 370 học sinh; Trường PTDTNT THCS-THPT Điều Ong có 400 học sinh; Trường PTDTNT THCS-THPT Bù Gia Mập có 457 học sinh; Trường PTDTNT THCS Bù Đốp có 273 học sinh; Trường PTDTNT THCS Lộc Ninh có 203 học sinh; Trường PTDTNT THCS Bình Long có 240 học sinh và Trường PTDTNT THCS Đồng Phú có 286 học sinh.

<sup>17</sup> Năm học 2022-2023, Học kì I thực hiện chính sách hỗ trợ gạo theo Nghị định số 116/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Chính phủ cho 1.916 học sinh với tổng số gạo là 143.685kg (trong đó: có 1.043 học sinh Tiểu học, TH&THCS; 667 học sinh THCS; 206 học sinh THCS&THPT) và Học kì II thực hiện hỗ trợ 1.876 học sinh với tổng số gạo 113.715kg (trong đó: có 1.061 học sinh Tiểu học, TH&THCS; 618 học sinh THCS; 204 học sinh THCS&THPT); có 212 học sinh (KH I) và 203 học sinh (HK II) được hưởng chế độ theo Nghị định số 116/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Chính phủ.

sinh viên cử tuyển đã tốt nghiệp. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động người DTTS thực hiện theo chương trình giảm nghèo của tỉnh<sup>18</sup>.

Theo báo cáo của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 46.598/40.000 lao động, đạt 116,5% kế hoạch năm. Tư vấn, đăng ký tìm việc và giới thiệu việc làm, học nghề cho 16.000 lao động; tổ chức 12 phiên giao dịch việc làm thu hút 36 doanh nghiệp và 3.008 lao động tham gia; giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp cho 12.178 lao động; hỗ trợ học nghề cho 36 lao động thuộc diện hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp. Tuyển dụng lao động ngoài tỉnh 7.441 lao động; đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 169 lao động

Thực hiện đào tạo nghề cho 19.307 người góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%; duy trì tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn trên 90%.

### c) Y tế

Công tác khám, chữa bệnh vùng DTTS được đảm bảo, đã có những bước tiến quan trọng, nhiều danh mục kỹ thuật không ngừng được chuyển giao, áp dụng điều trị hiệu quả cho người bệnh; các chương trình mục tiêu y tế - dân số vẫn duy trì hoạt động theo kế hoạch; hộ nghèo, cận nghèo vùng DTTS được cấp thẻ BHYT theo quy định; công tác tiêm chủng, chăm sóc sức khỏe trẻ em được triển khai đầy đủ. Tình hình các loại dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, không có dịch bùng phát trên diện rộng. Các chương trình mục tiêu dân số - y tế như phòng chống suy dinh dưỡng, dân số và phát triển, phòng chống lao, phong, bấu cổ được duy trì hoạt động theo kế hoạch đề ra. Ban Dân tộc tiếp tục phối hợp với ngành Y tế thực hiện triển khai Bản cam kết tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS thực hiện tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19.

## 4. Về Tôn giáo

Tỉnh hiện có 125 cơ sở tín ngưỡng; 08 tôn giáo được nhà nước công nhận đang hoạt động (gồm: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Hồi giáo, Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam, Phật giáo Hòa Hảo và Cơ đốc Phục lâm Việt Nam), với

---

<sup>18</sup> Tuyển sinh đào tạo cho 3.361 người đạt 16,8% (88 CĐ, 260 TC, 2.691 SC và 322 dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng). Trong đó có 163 người DTTS (11 CĐ, 14 TC, 89 SC và 49 dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng). Đã cấp tốt nghiệp cho 3.751 người đạt 37,5% (25 CĐ, 338 TC, 3.260 SC và 128 dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng). Trong đó có 347 người DTTS (03 CĐ, 36 TC, 102 SC và 206 dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 64,7%; hỗ trợ cho 16 học sinh DTTS học trung cấp và cao đẳng được hưởng các chế độ theo quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học trung cấp và cao đẳng với số tiền là 65.560.000 đồng.

Tổ chức tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS, THPT năm 2023 theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 tại 11 điểm/4 huyện, thành phố với hơn 7.576 người, 6.851 học sinh và 725 phụ huynh tham dự; Giải quyết việc làm ước đạt 30.000/40.000 lao động đạt 75%. Trong đó 05 lao động đi làm việc ở nước ngoài; tổ chức 06 phiên GDVL với 2.098 người tham gia trong đó có 192 người DTTS; tư vấn việc làm cho 854 người trong đó 106 người DTTS; giới thiệu việc làm 45 người trong đó 10 người DTTS. Thực hiện 7 buổi tư vấn, tuyên truyền về đào tạo nghề, giới thiệu việc làm và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động cho đối tượng lao động là hộ nghèo, người DTTS trên địa bàn huyện Đồng Phú với sự tham gia của hơn 560 lao động. Tiếp nhận và nhập dữ liệu thông tin về cung cầu lao động của 8/11 huyện thị xã, thành phố với 251.521 phiếu.

380 cơ sở tôn giáo, 247.020 tín đồ, 882 chức sắc, 550 chức việc (trong đó có khoảng 112.8822 tín đồ và 111 chức sắc người DTTS)<sup>19</sup>. Tình hình sinh hoạt tôn giáo của người dân trên địa bàn tỉnh nhìn chung cơ bản ổn định, phù hợp với các quy định của pháp luật; các nhu cầu tôn giáo chính đáng, hợp pháp của các tổ chức tôn giáo đã được các cơ quan có thẩm quyền tham mưu giải quyết kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, vẫn còn tiềm ẩn các thế lực thù địch lợi dụng việc kết nối không gian mạng để dụ dỗ, lôi kéo người dân các hội nhóm chống phá Đảng, Nhà nước và tổ chức các hoạt động mê tín dị đoan; các hoạt động liên quan đến các hội, nhóm chưa được công nhận liên quan đến tôn giáo, “tà đạo”, “đạo lạ” vẫn lôi kéo, dụ dỗ người dân tham gia, nhất là người DTTS, những người già, người không có công ăn việc làm, các đối tượng mắc bệnh hiểm nghèo, người có dân trí thấp,...

## 5. Về an ninh trật tự

Về an ninh chính trị, trật tự xã hội vùng DTTS cơ bản ổn định, đồng bào các DTTS trên địa bàn tỉnh chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vai trò của già làng, người có uy tín tiếp tục được củng cố và phát huy với tinh thần trách nhiệm cao trong công tác vận động, tuyên truyền trên địa bàn. Tuy nhiên, một số nơi có đồng bào DTTS đời sống còn nhiều khó khăn, bị tác động bởi những phần tử cực đoan nên còn trường hợp khiếu kiện đông người, vượt cấp hoặc cung cấp thông tin một chiều, thông tin chưa đầy đủ cho báo chí<sup>20</sup>.

Khu vực biên giới gồm có 15 xã, 124 thôn, ấp (trong đó có 28 thôn, ấp giáp biên giới) thuộc 03 huyện Biên giới (Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập), dân số hơn 34.009 hộ/132.277 khẩu, gồm 21 thành phần dân tộc sinh sống đan xen nhau; đồng bào DTTS chiếm 27,5 % dân số. Thời gian qua, cấp ủy, chính quyền địa phương các huyện, xã biên giới đã có nhiều chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, trình độ dân trí từng bước được nâng lên, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngày càng ổn định, góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân ngày càng vững chắc. Tuy nhiên, đời sống của một số hộ dân trên khu vực biên giới, đặc biệt là số hộ đồng bào DTTS đời sống còn nhiều khó khăn, vi phạm quy chế biên giới, các tệ nạn xã hội như: Trộm cắp, cờ bạc, mua bán, tàng trữ và sử dụng chất ma túy có lúc, có nơi diễn ra khá phức tạp, gây ảnh hưởng không nhỏ đến an ninh trật tự trên khu vực biên giới; các hoạt động buôn lậu, xuất nhập cảnh trái phép, vi phạm quy chế khu vực biên giới vẫn còn xảy ra ảnh hưởng trực tiếp đến công tác bảo vệ biên giới và an ninh trật tự trên khu vực biên giới.

<sup>19</sup> Công giáo 30.324 tín đồ, Tin lành 64.968 tín đồ, Phật giáo 16.102 tín đồ, Cao Đài 750 tín đồ, Hồi giáo 458 tín đồ, Cơ đốc Phục lâm Việt Nam 280 tín đồ và 111 chức sắc (Phật giáo 05, Tin lành 99, Hồi giáo 07).

<sup>20</sup> Tình hình khiếu kiện vượt cấp: Đồng bào DTTS thôn 10, xã Thống Nhất, Bù Đăng từ năm 2022 đến nay chưa giải quyết dứt điểm; Việc cung cấp thông tin một chiều, thông tin chưa đầy đủ cho báo chí tại Sóc Ông La, Sóc Bù Tô, Tổ 4, thôn 10, xã Thống Nhất, Bù Đăng.

Tình hình di dân vùng DTTS cần được quan tâm khi có khoảng 1.000 người dân tộc Mông tỉnh Nghệ An đến làm công nhân, sinh sống tạm trú tại các nông trường cao su trên địa bàn các huyện Đồng Phú, Bù Đăng, Bù Đốp.

## **6. Công tác xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và chính sách cán bộ**

Cùng với việc thực hiện các chính sách dân tộc, chính sách đối với cán bộ người DTTS và xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở vùng đồng bào DTTS luôn được quan tâm. Các cấp ủy Đảng luôn chú trọng bồi dưỡng, kết nạp những người đồng bào DTTS ưu tú vào hàng ngũ của Đảng, đến nay tỉnh có trên 2.000 đảng viên người DTTS, kết quả trên đã góp phần xóa thôn, ấp không có đảng viên và tổ chức Đảng. Công tác phát triển nguồn nhân lực, công tác quản lý, bố trí, sử dụng cán bộ DTTS luôn được quan tâm chú trọng. Tuy nhiên với tình hình số lượng biên chế được giao như hiện nay, thì việc tuyển dụng CBCC, VC người dân tộc thiểu số vào làm việc ở các cấp, ngành đảm bảo tỷ lệ (%) theo quy định là rất khó khăn.

## **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2023**

### **1. Kết quả tham mưu thực hiện Chương trình, chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc chủ trì, quản lý, chỉ đạo**

#### ***1.1 Chương trình MTQG 1719***

Ban Dân tộc đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 01 kế hoạch, 04 quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện chương trình 1719<sup>21</sup>; tham mưu thực hiện đề xuất điều chỉnh, sửa đổi Quyết định số 1719/QĐ-TTg; tham mưu phân bổ nguồn vốn Chương trình năm 2023; tham mưu trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND; tham mưu ban hành kế hoạch thực hiện Đề án chuyển đổi số và ứng dụng CNTT trong triển khai thực hiện Chương trình; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với Chương trình; tham mưu triển khai thực hiện Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc; phối hợp Sở Tài chính điều chỉnh nguồn vốn

---

<sup>21</sup> - Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 và năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về việc kế hoạch điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023.

- Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 1); Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023.

- Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 2).

- Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 3).

- Công văn số 619/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh.

- Công văn số 624/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết vướng mắc trong thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi (tổ chức họp giao ban trực tuyến về tiến độ triển khai, giải ngân vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với tuần suất 02 tuần/01 lần, bắt đầu từ tháng 03/2023).

sự nghiệp của Chương trình; triển khai thực hiện nguồn vốn Chương trình MTQG 1719 do Ban Dân tộc làm chủ đầu tư; báo cáo kết quả rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện nguồn vốn Chương trình MTQG 1719 đã phân bổ năm 2022, 2023 và kết quả thực hiện Chương trình MTQG 1719 năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024; góp ý dự thảo nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc thù trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; tham mưu thực hiện kiến nghị của BTT. UBMTTQVN tỉnh sau giám sát; triển khai thực hiện Thông báo số 307/TB-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Tuyết Minh tại buổi làm việc với Ban Dân tộc tỉnh về tình hình thực hiện công tác dân tộc 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023.

Kết quả: Tổng kế hoạch vốn đã phân bổ là 526.103 triệu đồng (vốn ĐTPT 394.022 triệu đồng; vốn SN 132.081 triệu đồng). Trong đó, NSTW 476.335 triệu đồng (ĐTPT 358.022 triệu đồng; SN 118.313 triệu đồng); NS tỉnh 49.768 triệu đồng (ĐTPT 36.000 triệu đồng; SN 13.768 triệu đồng).

Lũy kế giải ngân đến ngày 19/12/2023: 268.614 triệu đồng, đạt tỷ lệ 51%; trong đó: nguồn ĐTPT 248.797 triệu đồng, tỷ lệ đạt 63%; nguồn sự nghiệp 19.817 triệu đồng, tỷ lệ đạt 15%. Nguồn vốn vay chính sách xã hội đã giải ngân cho vay 18.700 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%. Cụ thể:

- Năm 2022: Tổng kinh phí phân bổ 216.604 triệu đồng, gồm: NSTW 195.713 triệu đồng (vốn ĐTPT 156.060 triệu đồng; vốn SN 39.653 triệu đồng); NS tỉnh 20.891 triệu đồng (vốn ĐTPT 16.000 triệu đồng; vốn SN 4.891 triệu đồng).

Lũy kế giải ngân nguồn vốn năm 2022 đến ngày 19/12/2023: 160.871,67 triệu đồng, đạt 74% kế hoạch; trong đó: nguồn ĐTPT 150.160 triệu đồng, tỷ lệ đạt 83,4%; nguồn sự nghiệp 10.711,674 triệu đồng, tỷ lệ đạt 24%. Nguồn vốn vay chính sách xã hội đã giải ngân cho vay 12.900 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

- Năm 2023: Tổng kinh phí theo kế hoạch 330.773 triệu đồng, gồm: NSTW 300.881 triệu đồng (vốn ĐTPT 201.962 triệu đồng; vốn SN 98.919 triệu đồng); NS tỉnh 29.892 triệu đồng (vốn ĐTPT 20.000 triệu đồng; vốn SN 9.892 triệu đồng); bao gồm:

+ Tổng kế hoạch nguồn vốn đã phân bổ: 309.499 triệu đồng, gồm: NSTW 280.622 triệu đồng (vốn ĐTPT 201.962 triệu đồng; vốn SN 78.660 triệu đồng); NS tỉnh 28.877 triệu đồng (vốn ĐTPT 20.000 triệu đồng; vốn SN 8.877 triệu đồng).

+ Nguồn vốn chưa phân bổ: 21.274 triệu đồng vốn sự nghiệp, gồm: NSTW 20.259 triệu đồng; NS tỉnh 1.015 triệu đồng).

Lũy kế giải ngân nguồn vốn năm 2023 đến ngày 19/12/2023: 107.741,8 triệu đồng, đạt 34% kế hoạch vốn phân bổ; trong đó: nguồn ĐTPT 98.637 triệu đồng, tỷ lệ đạt 44,4%; nguồn sự nghiệp 9.104,8 triệu đồng, tỷ lệ đạt 10,4%. Nguồn vốn vay chính sách xã hội đã giải ngân cho vay 5.800 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

## ***1.2 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg***



- Tổ chức 01 Đoàn, 40 người trong đó có 32 người có uy tín của tỉnh đi tham quan, học tập kinh nghiệm các tỉnh phía Bắc năm 2023;

- Phối hợp tham mưu đề xuất UBND tỉnh phê duyệt loại phương tiện, hình thức, điều kiện, đối tượng nhận hỗ trợ phương tiện nghe nhìn giai đoạn 2023 - 2025 cho người có uy tín.

- Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTG ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tham mưu UBND tỉnh cử đại biểu người có uy tín dự “Chương trình biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số toàn quốc năm 2023” và văn bản giao nhiệm vụ tham gia Chương trình tuyên dương NCUT tiêu biểu toàn quốc năm 2023.

- Tổng hợp danh sách đối tượng, địa chỉ thụ hưởng ấn phẩm, tạp chí năm 2023; địa chỉ nhận báo, tạp chí của người có uy tín, già làng tiêu biểu.

- Phối hợp với UBMTTQVN tỉnh trả lời các kiến nghị của già làng, người có uy tín các huyện, thị xã, thành phố.

## **2. Kết quả thực hiện Chương trình, chính sách đặc thù địa phương**

### **2.1 Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS**

Ban Dân tộc đã tổng hợp rà soát, tham mưu Kế hoạch 131/KH-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh đề làm có sở thực hiện từ đầu năm 2023; qua rà soát điều chỉnh bổ sung, kế hoạch thực hiện hỗ trợ 3.364 nhu cầu với tổng kinh phí 118.351 triệu đồng, trong đó:

+ Lồng ghép nguồn vốn Chương trình MTQG 1719: 36.605 triệu đồng; gồm: vốn ngân sách trung ương 31.830 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 24.740 triệu đồng; vốn sự nghiệp 7.090 triệu đồng); vốn ngân sách tỉnh, huyện đối ứng 4.775 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 3.711 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.064 triệu đồng);

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2023: 44.259 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 17.000 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 27.259 triệu đồng);

+ Nguồn vận động từ “Quỹ vì người nghèo” của tỉnh: 34.408 triệu đồng;

+ Vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: 3.080 triệu đồng.

Đến thời điểm này, có 05 huyện triển khai giải ngân Chương trình, kinh phí thực hiện 19.740 triệu đồng<sup>22</sup>.

### **2.2 Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND**

Ban Dân tộc đã tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính thẩm định tham mưu UBND tỉnh đã phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ cho 138 sinh viên DTTS hưởng

---

<sup>22</sup> Các huyện: Bù Đăng – 11.849 triệu đồng, Hớn Quản – 1.200 triệu đồng, Bù Gia Mập – 5.672,9 triệu đồng, Đồng Phú - 102 triệu đồng, huyện Lộc Ninh – 916 triệu đồng.

chế độ chính sách hỗ trợ cho năm học 2022-2023 với tổng kinh phí 1.037,545 triệu đồng, tại Công văn số 4055/UBND-TH ngày 09/11/2023.

### **2.3 Quyết định 45/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh**

Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh sách 96 già làng tiêu biểu trong đồng bào DTTS; đơn đốc cấp huyện triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ như người có uy tín; tổ chức thăm hỏi, động viên, chúc mừng 30 già làng tiêu biểu nhân Tết Nguyên đán; tổ chức 04 đợt thăm hỏi già làng ốm đau, hiếu hỷ; phối hợp UBMTTQVN tỉnh tuyên dương 25 già làng tiêu biểu điển hình năm 2022; tổ chức Đoàn đại biểu 35 người, trong đó có 27 già làng tiêu biểu đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh miền Tây Nam bộ, với tổng kinh phí thực hiện là 546.700.000 đồng (chưa tính các nội dung thăm hỏi động viên và tổ chức các hoạt động tập huấn, cung cấp thông tin do các địa phương tổ chức).

Ngoài việc thực hiện các chính sách đặc thù nêu trên, Ban Dân tộc còn tham mưu thực hiện tốt công tác an sinh xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thông qua việc tổ chức các đoàn thăm hỏi, động viên và tặng quà nhân các dịp lễ tết truyền thống dân tộc, ngày lễ lớn của ngành.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Ban Dân tộc đã bám sát vào các nội dung, nhiệm vụ được UBND tỉnh phê duyệt tại Công văn số 319/UBND-KGVX ngày 03/02/2023, thực hiện hoàn thành 95% nhiệm vụ kế hoạch đề ra trong đó hoàn thành trước hạn 22% nhiệm vụ.

Sau khi có Chương trình MTQG về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg đã có nhiều nét khởi sắc và được lãnh đạo các cấp ngành, địa phương quan tâm nhiều hơn đến nhiệm vụ công tác dân tộc có liên quan đến ngành, lĩnh vực và địa phương quản lý. Tuy nhiên vẫn có một số nhiệm vụ chậm tiến độ do phải chờ hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, chưa thống nhất được nội dung tham mưu các ngành chuyên môn nên phải gửi văn bản qua lại nhiều lần; một số nhiệm vụ đã được UBND tỉnh chấp thuận đưa khỏi kế hoạch nhiệm vụ năm.

Cùng với những khó khăn mang tính đặc thù của công tác dân tộc đã được nêu trong nhiều báo cáo của ngành trong những năm qua như: tổ chức bộ máy chưa đồng bộ; nguồn nhân lực làm công tác dân tộc còn thiếu, yếu, thường xuyên thay đổi nhất là ở cấp xã, mặt bằng dân trí vùng DTTS & MN thấp..., thì việc tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia 1719 và một số nhiệm vụ công tác dân tộc được UBND tỉnh giao còn gặp một số khó khăn, hạn chế như sau:

- Công tác phối hợp tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh chưa tốt, nhất là công tác phối hợp báo cáo, cung cấp thông tin và triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc, góp ý dự thảo các văn bản liên quan đến công tác dân tộc còn chậm, nhất là đối với một số cơ quan chuyên ngành.

- Một số sở, ngành, địa phương chỉ cử lãnh đạo cấp phòng, chuyên viên đi dự họp các cuộc họp trực tuyến do Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Trưởng Ban

Dân tộc chủ trì về nội dung Chương trình MTQG 1719, nên công tác hướng dẫn, chỉ đạo chưa kịp thời.

- Tổ chức bộ máy, biên chế của Cơ quan làm công tác Dân tộc còn khó khăn, nhất là ở cấp huyện trong khi Chương trình MTQG 1719 mới, cơ cấu nhiều nội dung, nhiều nhiệm vụ thực hiện, nên dẫn đến công tác tham mưu chỉ đạo điều hành còn nhiều lúng túng, quá trình đề xuất lựa chọn nội dung, danh mục dự án đầu tư ở cơ sở chưa thống nhất phải rà soát, điều chỉnh nên tiến độ thực hiện còn chậm.

Mặt khác, sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy bên trong cơ quan Ban Dân tộc, toàn bộ lãnh đạo cấp phòng và chuyên viên đều được điều chuyển nhận nhiệm vụ mới, nhiều nội dung phải nghiên cứu lại từ đầu dẫn đến chậm tiến độ một số nhiệm vụ do Ban Dân tộc làm chủ đầu tư.

- Văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG 1719 của Trung ương chưa kịp thời, chưa đồng bộ; hiện nay một số bộ, ngành đang tiếp tục sửa đổi, bổ sung, dẫn đến công tác tham mưu chỉ đạo điều hành ở địa phương còn nhiều lúng túng nên ảnh hưởng tiến độ giải ngân chương trình.

- Việc cân đối, bố trí kinh phí cho Chương trình giảm 1.000 còn chậm, chưa đủ theo kế hoạch đề ra, trong khi công tác tham mưu hoàn chỉnh nội dung trình đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh còn chậm.

## **V. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM 2024**

Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch công tác dân tộc năm 2024 trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm:

1. Phối hợp, tham mưu triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp, tham mưu triển khai thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2024.

3. Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức Đại hội đại biểu các DTTS cấp tỉnh, cấp huyện lần IV năm 2024.

4. Tham mưu tổ chức triển khai, theo dõi việc thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc chủ trì, theo dõi.

5. Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh đối với người có uy tín, già làng tiêu biểu trong vùng DTTS và sinh viên DTTS trên địa bàn tỉnh.

6. Thực hiện tốt Chương trình phối hợp giữa Ban Dân tộc với các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh về công tác dân tộc theo kế hoạch ký kết; Chú trọng thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, vận động vùng đồng bào DTTS và miền núi.

7. Tổ chức kỷ niệm 78 năm ngày thành lập cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc (03/5/1946-03/5/2023); tham gia Hội thao kỷ niệm 78 năm ngày truyền thống ngành dân tộc tại tỉnh Bình Định.

8. Thực hiện thăm hỏi các ngày lễ, tết truyền thống và động viên kịp thời đồng bào DTTS khi gặp thiên tai, hoạn nạn;... nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng DTTS; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại liên quan đến đồng bào DTTS; tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác dân tộc và các chính sách dân tộc theo định kỳ để phát hiện, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn trong công tác dân tộc.

9. Tổ chức giao ban công tác dân tộc định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm để đánh giá rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp thực hiện hoàn thành tốt công tác dân tộc trong năm 2024.

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc năm 2023 và Kế hoạch nhiệm vụ năm 2024, Ban Dân tộc báo cáo Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

***Nơi nhận:***

- UBND, Vụ CTDTĐP;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, Ban TGTU, Ban DVTU;
- Công an tỉnh, BCH BDBP tỉnh, BCH Quân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Ban;
- Cơ quan CTDT cấp huyện;
- Các phòng CM;
- Lưu: VT, Vp.

**TRƯỞNG BAN**

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
BAN DÂN TỘC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-BDT  
(DỰ THẢO)

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

## BÁO CÁO

**Tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Phước**  
(Báo cáo phục vụ Hội nghị tổng kết công tác dân tộc năm 2023)

### I. Tình hình triển khai thực hiện

#### 1. Công tác tham mưu chỉ đạo thực hiện

Ban Dân tộc tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh, đảm bảo yêu cầu theo quy định<sup>23</sup>.

<sup>23</sup> - Tỉnh ủy: Kết luận số 380-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

- HĐND tỉnh: Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2021 về thung qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022; Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình; Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung thuộc Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2021.

- UBND tỉnh: Năm 2022: Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn Chương trình năm 2022; Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chi tiết Kế hoạch vốn Chương trình năm 2022; Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh về phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình năm 2022 (đợt 1); Công văn số 2999/UBND-KGVX ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung phụ lục Kế hoạch Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2022; Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình năm 2022 (đợt 2); Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình năm 2022 (Đợt 2).

Năm 2023: Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022 và năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch 131/KH-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về việc kế hoạch điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023; Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 1); Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 2); Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 3); Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh năm 2023 (đợt 2); Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh năm 2023 (đợt 3); Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh năm 2023 (đợt 4); Công văn số 619/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn tỉnh; Công văn số 624/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết vướng mắc

## **2. Kế hoạch phân bổ và tiến độ giải ngân nguồn vốn**

### *2.1. Kế hoạch nguồn vốn phân bổ*

Tổng kế hoạch vốn đã phân bổ 545.290 triệu đồng (vốn ĐTPT 409.620 triệu đồng; vốn SN 135.670 triệu đồng). Trong đó, NSTW 476.334 triệu đồng (ĐTPT 358.022 triệu đồng; SN 118.312 triệu đồng); NS tỉnh 49768 triệu đồng (ĐTPT 36.000 triệu đồng; SN 13.768 triệu đồng); NS huyện 19.188 triệu đồng (ĐTPT: 15.598; triệu đồng; SN: 3.590 triệu đồng). Trong đó:

- *Năm 2022*: Tổng nguồn vốn phân bổ 224.513 triệu đồng, gồm: NSTW 195.712 triệu đồng (vốn ĐTPT 156.060 triệu đồng; vốn SN 39.652 triệu đồng); NS tỉnh 20.891 triệu đồng (ĐTPT 16.000 triệu đồng; vốn SN 4.891 triệu đồng); NS huyện 7.910 triệu đồng (ĐTPT: 6.843 triệu đồng, SN: 1.067 triệu đồng).

- *Năm 2023*: Tổng nguồn vốn theo kế hoạch 342.051 triệu đồng, gồm: NSTW 300.881 triệu đồng (vốn ĐTPT 201.962 triệu đồng; vốn SN 98.919 triệu đồng); NS tỉnh 29.892 triệu đồng (vốn ĐTPT 20.000 triệu đồng; vốn SN 9.892 triệu đồng); NS huyện 11.278 triệu đồng (ĐTPT: 8.755 triệu đồng; SN: 2.523 triệu đồng); gồm:

+ *Kế hoạch nguồn vốn đã phân bổ*: 320.777 triệu đồng, gồm: NSTW 280.622 triệu đồng (vốn ĐTPT 201.962 triệu đồng; vốn SN 78.660 triệu đồng); NS tỉnh 28.877 triệu đồng (ĐTPT 20.000 triệu đồng; vốn SN 8.877 triệu đồng); NS huyện 11.278 triệu đồng (ĐTPT: 8.755 triệu đồng; SN: 2.523 triệu đồng).

+ *Nguồn vốn chưa phân bổ*: 21.274 triệu đồng vốn sự nghiệp, gồm: NSTW 20.259 triệu đồng; NS tỉnh 1.015 triệu đồng).

### *2.2. Tiến độ thực hiện giải ngân*

#### *a) Tiến độ thực hiện giải ngân chung*

Lũy kế giải ngân đến ngày 15/01/2024: 296.843,16 triệu đồng, đạt tỷ lệ 54%; trong đó: nguồn ĐTPT 264.484 triệu đồng, tỷ lệ đạt 64,6%; nguồn sự nghiệp 32.359,16 triệu đồng, tỷ lệ đạt 24%. Nguồn vốn vay chính sách xã hội đã giải ngân cho vay 18.700 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

- *Năm 2022*: Lũy kế giải ngân đến ngày 15/01/2024: 174.511 triệu đồng, đạt 80,57% kế hoạch; trong đó: nguồn ĐTPT 153.603 triệu đồng, tỷ lệ đạt 85,9%; nguồn sự nghiệp 20.907,13 triệu đồng, tỷ lệ đạt 45,8%. Nguồn vốn vay chính sách xã hội đã giải ngân cho vay 12.900 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

- *Năm 2023*: Lũy kế giải ngân đến ngày 15/01/2024: 122.333 triệu đồng, đạt 39,56% kế hoạch vốn phân bổ; trong đó: nguồn ĐTPT 110.881 triệu đồng, tỷ lệ đạt 48.1%; nguồn sự nghiệp 11.452 triệu đồng, tỷ lệ đạt 12,7%. Nguồn vốn vay chính sách xã hội đã giải ngân cho vay 5.800 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

#### *b) Tiến độ thực hiện giải ngân theo dự án*

Dự án 1: Kế hoạch vốn phân bổ 90.097 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 42.735,66 triệu đồng, đạt tỷ lệ 47,43% kế hoạch; vốn ĐTPT đạt 56,20%, vốn SN đạt 26,09%.

Dự án 2: Kế hoạch vốn phân bổ 196.358 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 126.614 triệu đồng, đạt tỷ lệ 64,48% kế hoạch (vốn ĐTPT).

Dự án 3: Kế hoạch vốn phân bổ 33.117 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 10.480,11 triệu đồng, đạt tỷ lệ 31,65% kế hoạch (vốn SN).

Dự án 4: Kế hoạch vốn phân bổ 121.091 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 82.738,3 triệu đồng, đạt tỷ lệ 68,33% kế hoạch; vốn ĐTPT đạt 69,26%, vốn SN đạt 45,64%.

Dự án 5: Kế hoạch vốn phân bổ 53.186 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 15.620,4 triệu đồng, đạt tỷ lệ 29,37% kế hoạch; vốn ĐTPT đạt 78,64%, vốn SN đạt 6,62%.

Dự án 6: Kế hoạch vốn phân bổ 21.052 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 10.787,8 triệu đồng, đạt tỷ lệ 51,24% kế hoạch; vốn ĐTPT đạt 52,38%, vốn SN đạt 48,07%.

Dự án 7: Kế hoạch vốn phân bổ 4.021 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 1.008,11 triệu đồng, đạt tỷ lệ 25,07% kế hoạch (vốn SN).

Dự án 8: Kế hoạch vốn phân bổ 4.564 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 2.087,75 triệu đồng, đạt tỷ lệ 45,74% kế hoạch (vốn SN).

Dự án 9: Kế hoạch vốn phân bổ 11.100 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 879,64 triệu đồng, đạt tỷ lệ 7,92% kế hoạch (vốn SN).

Dự án 10: Kế hoạch vốn phân bổ 11.250 triệu đồng. Lũy kế giải ngân 3.891,75 triệu đồng, đạt tỷ lệ 34,60% kế hoạch; vốn ĐTPT đạt 6,81%, vốn SN đạt 38,29%.

*(Kèm theo biểu tổng hợp chi tiết)*

*c) Tiến độ thực hiện giải ngân theo đơn vị:*

- Huyện Lộc Ninh: Kế hoạch vốn 205.687 triệu đồng; lũy kế giải ngân 108.814 triệu đồng, đạt 52,90%. Trong đó, năm 2022 đạt 79,65%, năm 2023 đạt 46,56%.

- Huyện Bù Đăng: Kế hoạch vốn 73.738 triệu đồng; lũy kế giải ngân 48.186 triệu đồng, đạt 65,35%. Trong đó, năm 2022 đạt 98,07%, năm 2023 đạt 56,13%.

- Huyện Bù Đốp: Kế hoạch vốn 31.437 triệu đồng; lũy kế giải ngân 11.372 triệu đồng, đạt 36,17%. Trong đó, năm 2022 đạt 35,14%, năm 2023 đạt 38,89%.

- Huyện Bù Gia Mập: Kế hoạch vốn 154.286 triệu đồng; lũy kế giải ngân 95.600 triệu đồng, đạt 61,96%. Trong đó, năm 2022 đạt 89,61%, năm 2023 đạt 43%.

- Huyện Phú Riềng: Kế hoạch vốn 6.739 triệu đồng; lũy kế giải ngân 1.536 triệu đồng, đạt 22,79%. Trong đó, năm 2022 đạt 52,67%, năm 2023 đạt 9,94%.

- Huyện Đông Phú: Kế hoạch vốn 8.506 triệu đồng; lũy kế giải ngân 1.829 triệu đồng, đạt 21,50%. Trong đó, năm 2022 đạt 28,17%, năm 2023 đạt 16,42%.

- Huyện Hớn Quản: Kế hoạch vốn 12.827 triệu đồng; lũy kế giải ngân 9.576 triệu đồng, đạt 74,66%. Trong đó, năm 2022 đạt 90,36%, năm 2023 đạt 61,84%.

- Thị xã Bình Long: Kế hoạch vốn 5.092 triệu đồng; lũy kế giải ngân 1.218 triệu đồng, đạt 23,92%. Trong đó, năm 2022 đạt 15,63%, năm 2023 đạt 30,87%.

- Thị xã Chơn Thành: Kế hoạch vốn 135 triệu đồng; lũy kế giải ngân 135 triệu đồng, đạt 100%.

- Sở Lao động, TBXH: Kế hoạch vốn 6.559 triệu đồng; lũy kế giải ngân 219 triệu đồng, đạt 3,34%.

- Hội LHPN tỉnh: Kế hoạch vốn 2.067 triệu đồng; lũy kế giải ngân 1.607 triệu đồng, đạt 77,76%.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Kế hoạch vốn 2.468 triệu đồng; lũy kế giải ngân 117,13 triệu đồng, đạt 4,75%.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Kế hoạch vốn 3.516 triệu đồng; lũy kế giải ngân 1.493 triệu đồng, đạt 42,46%.

- Sở Y tế: Kế hoạch vốn 1.462 triệu đồng; lũy kế giải ngân 735 triệu đồng, đạt 50,28%.

- Sở Nông nghiệp & PTNT: Kế hoạch vốn 3.088 triệu đồng; lũy kế giải ngân 2.125 triệu đồng, đạt 68,82%.

- Ban quản lý Vườn QG Bù Gia Mập: Kế hoạch vốn 11.540 triệu đồng; lũy kế giải ngân 8.079 triệu đồng, đạt 70%.

- Ban Dân tộc: Kế hoạch vốn 14.002 triệu đồng; lũy kế giải ngân 2.964 triệu đồng, đạt 21,17%.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Kế hoạch vốn 2.214 triệu đồng; lũy kế giải ngân 98 triệu đồng, đạt 4,43%.

- Hội Nông dân tỉnh: Kế hoạch vốn 422 triệu đồng; lũy kế giải ngân 0 triệu đồng, đạt 0%. (Thực tế các nội dung công việc đã thực hiện nhưng chưa báo cáo)

- Tỉnh đoàn: Kế hoạch vốn 51 triệu đồng; lũy kế giải ngân 0 triệu đồng, đạt 0% (đang chờ UBND tỉnh bổ sung danh mục chi tiết tên công trình để Sở Tài chính thực hiện nhập mã TABMIS để có nguồn vốn thực hiện giải ngân)

*(Kèm theo biểu tổng hợp chi tiết)*

## **II. Đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình**

Tổng kế hoạch nguồn vốn đã thực hiện giải ngân đạt 54,38% (vốn ĐTPPT đạt 64,48%, vốn SN đạt 23,85%). Trong đó, có 07/10 dự án tỷ lệ giải ngân đạt thấp dưới 50% kế hoạch; nguồn vốn SN giải ngân đạt tỷ lệ thấp, dự án 9 đạt tỷ lệ 7,92%, dự án 5 đạt tỷ lệ 6,62%.



Thực hiện Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổng nguồn vốn ngân sách tỉnh đã bố trí đối ứng 10,45% (vốn ĐTPT đối ứng 10,05%; vốn SN đối ứng 11,64%); tổng nguồn vốn ngân sách huyện đã bố trí đối ứng 4,03%, chưa đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 5% theo quy định, còn thiếu 4.616,75 triệu đồng (vốn ĐTPT đối ứng 4,36%, còn thiếu 2.291,1 triệu đồng; vốn sự nghiệp đối ứng 3,03%, còn thiếu 2.325,65 triệu đồng). Theo quy định, việc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương hằng năm tối thiểu 15% trên tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG 1719 (trong đó, ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu là 10%, ngân sách cấp huyện bố trí đối ứng tối thiểu là 5%). Như vậy, nguồn vốn ngân sách tỉnh đã bố trí đối ứng thực hiện Chương trình MTQG 1719 là 10,45% đảm bảo đúng theo quy định; nguồn vốn ngân sách cấp huyện bố trí 4,03%, chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định (5%).

### **1. Khó khăn vướng mắc**

Đối tượng, địa bàn thụ hưởng: do quá trình thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch đề đăng ký nhu cầu thực hiện Chương trình với trung ương được thực hiện từ đầu năm 2020, đến gần cuối năm 2022 tỉnh mới phân bổ vốn cho các đơn vị, địa phương thực hiện nên một đối tượng đã thoát nghèo qua các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của tỉnh; một số xã thụ hưởng Chương trình đã về đích nông thôn mới nên đối tượng, địa bàn thực hiện Chương trình bị giảm so với kế hoạch đăng ký ban đầu, dẫn đến không phân bổ được hết kế hoạch nguồn vốn hoặc vốn phân bổ không thực hiện giải ngân được.

Là Chương trình mới, nhiều nội dung, tiêu dự án, dự án; liên quan đến 16 bộ, ngành trung ương; mặc dù, các sở, ngành, huyện, thị đã nỗ lực tham mưu tổ chức thực hiện, nhưng quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc:

- Dự án 1: Định mức hỗ trợ thấp hơn Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS của tỉnh đang thực hiện, nên khó khăn trong triển khai thực hiện: xây nhà ở (quy định 40 triệu đồng/căn, tỉnh đang thực hiện 86 triệu đồng/căn), sửa chữa nhà ở (quy định 20 triệu đồng/căn, tỉnh đang thực hiện 30 triệu đồng/căn), chuyển đổi nghề (quy định 10 triệu đồng/hộ, tỉnh thực hiện hỗ trợ con giống 40 triệu đồng/hộ, mua nông cụ 10 triệu đồng/hộ, hỗ trợ xe máy 20 triệu đồng/hộ),...

- Dự án 2: Tỉnh được phê duyệt 08 dự án, có 03 dự án nằm trên địa bàn 03 xã biên giới: Lộc Thịnh, Lộc Tấn và Lộc An, huyện Lộc Ninh; hiện nay, 03 xã này đã về đích nông thôn mới nên gặp khó khăn trong phân bổ nguồn vốn thực hiện.

- Tiêu Dự án 2, Dự án 3: quy định đối tượng thụ hưởng là các hộ nghèo, cận nghèo; trong khi tham gia phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị đòi hỏi có vùng nguyên liệu, đồng bộ chất lượng sản phẩm sau thu hoạch (người dân tham gia chuỗi liên kết phải có tư liệu sản xuất, có trình độ sản xuất và ít nhất phải có đất sản xuất). Qua khảo sát thực tế 07 xã trên địa bàn 2 huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng: 60-70% hộ nghèo và cận nghèo không có đất sản xuất, số có đất thì diện tích rất ít, phân tán nhỏ lẻ nên không thực hiện liên kết được chuỗi giá trị.

- Tiểu dự án 1, Dự án 5: tỉnh có 06/07 Trường Dân tộc nội trú không nằm trên địa bàn vùng DTTS và miền núi, theo quy định không thuộc địa bàn đầu tư Chương trình; nhưng các trường này thực hiện nhiệm vụ đào tạo con em học sinh DTTS ở các xã thuộc vùng DTTS và miền núi (các trường còn thiếu các hạng mục: nhà ăn, các phòng học chức năng, phòng công vụ, sân trường,... rất khó khăn trong việc dạy và học) nên gặp khó khăn trong phân bổ nguồn vốn thực hiện.

- Tiểu dự án 2, Dự án 5: Quy định việc cấp chứng chỉ cho các đối tượng tham gia bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ Nội vụ, thời gian bồi dưỡng chỉ 05 ngày nên gặp khó khăn trong triển khai thực hiện; mặt khác, công tác bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số, theo quy định tỉnh thẩm định 138,25 triệu đồng/lớp (50 học viên), thực tế Trường Đại học Trà Vinh thực hiện 300 triệu đồng/lớp (50 học viên) nên không thực hiện được.

- Tiểu dự án 3, Dự án 5: Đối tượng tham gia đào tạo nghề, giải quyết việc làm rất hạn chế so với kế hoạch đăng ký ban đầu; nên khó khăn trong việc chiêu sinh mở lớp đào tạo nghề giải quyết việc làm cho người DTTS, do người lao động chủ động tự tìm việc làm, trực tiếp ký kết hợp đồng với công ty, xí nghiệp,... qua đó người lao động được học nghề và tuyển dụng giải quyết việc làm.

- Tiểu Dự án 1, Dự án 9: Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách nên chưa triển khai thực hiện được.

- Tiểu Dự án 2, Dự án 10: Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN nên chưa triển khai thực hiện được.

## **2. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc**

Một bộ phận hộ đồng bào DTTS sinh sống ở các xã, thôn đặc biệt biệt khó khăn; địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN trong giai đoạn 2021-2025 đã đạt chuẩn nông thôn mới, theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ là xã khu vực I nên không còn được hưởng các chính sách hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước.

Chương trình mới, có nội dung rộng, quy mô lớn, liên quan đến nhiều lĩnh vực thuộc thẩm quyền trách nhiệm quản lý của nhiều ngành nên phát sinh những vấn đề về quy định, nội dung hướng dẫn của Trung ương đang trong quá trình hoàn thiện cơ chế chính sách. Hiện nay, còn thiếu sự đồng bộ và chưa đầy đủ hướng dẫn thực hiện cụ thể đối với cơ chế lồng ghép nguồn lực, phân cấp, phân quyền trong quy định thực hiện Chương trình của Trung ương nên tình gặp lúng túng, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thực hiện Chương trình.

Cơ quan được giao chủ trì, thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình có sự tham gia của nhiều đơn vị, địa phương; quá trình phối hợp thực hiện hoàn thiện văn bản triển khai thực hiện Chương trình nhiều bước, quy trình,

thủ tục theo quy định, dẫn đến sự chậm trễ nhất định tiến độ thực hiện Chương trình.

Quá trình xây dựng triển khai thực hiện Chương trình bị kéo dài, dẫn đến tính chính xác của nhiều thông tin, số liệu được rà soát, đề xuất nhu cầu thực hiện các chính sách cho đến khi triển khai thực hiện thực tiễn không còn phù hợp (nhất là số liệu liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo); dẫn đến thay đổi nhu cầu đầu tư theo đối tượng, nội dung, địa bàn tại thời điểm triển khai so với thời điểm đề xuất nhu cầu kế hoạch.

Bộ máy biên chế của Cơ quan làm công tác Dân tộc còn khó khăn, nhất là ở cấp huyện nên ảnh hưởng đến việc tham mưu cho Cấp ủy, chính quyền gặp khó khăn; dẫn đến việc phối hợp triển khai thực hiện Chương trình còn chưa tốt như: thực hiện chế độ báo cáo, đề xuất nhu cầu, góp ý dự thảo văn bản,... ở cấp huyện thực hiện còn chậm nên tiến độ thực hiện nhiệm vụ chung của tỉnh bị chậm tiến độ được giao.

Ngân sách huyện bố trí đối ứng chưa đảm bảo 5% theo quy định, do: (1) Nguồn vốn sự nghiệp, các địa phương chưa triển khai thực hiện được nên chưa bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương; (2) Nguồn vốn đầu tư phát triển, mới được phân bổ vốn tháng 11/2023 nên chưa kịp bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định như: dự án 2 của huyện Lộc Ninh, dự án 10 của huyện Bù Gia Mập.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

#### *a) Về quán triệt, chấp hành, cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách:*

Công tác quán triệt, thông tin tuyên truyền, vận động phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời, có chiều sâu về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để người dân thật sự biết, nắm, hiểu thông suốt và trở thành nhân tố tích cực tham gia góp sức vào việc thực hiện Chương trình.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trong quán triệt, chấp hành, cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật để thực hiện Chương trình.

Đổi mới linh hoạt về phương pháp, phong cách lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ về Chương trình; đội ngũ cán bộ, công chức cần được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về lý luận, năng lực chuyên môn và kiến thức thực tiễn trong thực hiện Chương trình.

Phát huy vai trò của già làng, người có uy tín trong đồng bào DTTS để tuyên truyền, vận động, nhất là việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, quan điểm của Đảng, Nhà nước về những vấn đề liên quan đến triển khai Chương trình. Thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS để đảm bảo các nội dung hỗ trợ sát với thực tiễn yêu cầu và đảm bảo tính

cần thiết hỗ trợ của chính sách. Quan tâm kịp thời, đúng mức công tác biểu dương, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân điển hình, tạo phong trào thi đua mạnh mẽ, củng cố niềm tin trong nhân dân, tạo hưởng ứng và đồng thuận của xã hội trong thực hiện Chương trình.

*b) Về ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chương trình:*

Tỉnh ủy, HĐND, UBND cấp tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn kịp thời, đồng bộ, theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương, thể hiện sự đổi mới tư duy, sáng tạo về xây dựng và thực hiện Chương trình; các văn bản hướng dẫn có sự tham gia của các địa phương, sát với thực tế và phù hợp hơn với điều kiện vùng đồng bào DTTS&MN.

Các đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình cần chủ động theo dõi, nghiên cứu, bám sát các văn bản liên quan quy định, hướng dẫn về cơ chế chính sách để phục vụ công tác quản lý, điều hành thực hiện Chương trình.

*c) Về lãnh đạo chỉ đạo, tổ chức, điều hành, thực hiện Chương trình:*

Công tác chỉ đạo tổ chức, điều hành, thực hiện Chương trình cần được triển khai đồng bộ, bao quát, thống nhất một đầu mối từ tỉnh đến cơ sở; đảm bảo sự quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo, chấp hành, cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật để tổ chức thực hiện Chương trình từ tỉnh đến cơ sở.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự điều hành của chính quyền các cấp, đặc biệt phát huy tối đa sự tham gia, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, của người dân trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương.

Chú trọng bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình, nhận thức đúng đắn, thống nhất quan điểm trong chỉ đạo, điều hành và nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đến kết quả cuối cùng. Trong chỉ đạo, điều hành, phải suy nghĩ, cân nhắc kỹ lưỡng, tư tưởng thông suốt, quyết tâm lớn, nỗ lực cao, hành động phải quyết liệt, hiệu quả, khẩn trương thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, dứt điểm.

Các cơ quan được phân công chủ dự án, tiểu dự án cần nâng cao trách nhiệm, vai trò trong công tác phối hợp thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo yêu cầu của các cấp, các ngành; thường xuyên trao đổi, phối hợp để đảm bảo hiệu quả, tiến độ quản lý, điều hành, tổ chức triển khai Chương trình.

*d) Về kiểm tra, đánh giá, giám sát:*

Tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát để kịp thời phát hiện vướng mắc, bất cập khó khăn và sớm có giải pháp tháo gỡ; đồng thời tránh được những vi phạm để không gây ra hậu quả nghiêm trọng trong quá trình thực thi Chương trình.

Kết hợp giữa công tác kiểm tra, giám sát, nắm bắt tình hình triển khai thực hiện đồng thời với đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để phát huy hiệu quả kết quả kiểm tra, giám sát với ngăn ngừa các vi phạm có thể xảy ra trong quá trình triển khai Chương trình; định kỳ đánh giá, phát hiện, chấn chỉnh kịp thời các hạn chế, thiếu sót.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, cụ thể hóa trách nhiệm cá nhân; kịp thời tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình.

*e) Về tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án:*

Các đơn vị, địa phương cần chủ động và kịp thời trong công tác rà soát, xác định mục tiêu, đối tượng, nội dung, hoạt động, danh mục đầu tư thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và nhu cầu thực tế của địa phương, đơn vị để xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

Việc đẩy mạnh phân cấp cho các xã làm chủ đầu tư cần gắn với việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ quản lý và giám sát Chương trình, đảm bảo có đội ngũ cán bộ, công chức đủ năng lực, kinh nghiệm, chuyên môn.

Cần có chính sách khuyến khích phân cấp trao quyền tự chủ cho cấp xã trong quản lý các dự án thuộc Chương trình; việc phân cấp quản lý phải phù hợp với ý thức và trình độ cán bộ địa phương; UBND cấp huyện cần có lộ trình phân cấp cụ thể và cử cán bộ chuyên môn phụ trách hỗ trợ tại những địa bàn mà trình độ, năng lực của cán bộ được phân cấp, phân quyền chưa đủ đảm bảo để đảm nhận thực thi.

*f) Về lồng ghép, phối hợp tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; việc tích hợp các chương trình mục tiêu khác; phối hợp tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách trên cùng địa bàn:*

Phát huy sự đoàn kết, nhất trí, đồng lòng, qua đó huy động và phát huy tổng hợp sức mạnh nguồn lực của địa phương, khối đại đoàn kết toàn dân tộc; luôn bám sát chủ trương của Đảng, tuân thủ chính sách, pháp luật của Nhà nước; đặt lợi ích người dân lên trên hết trong chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc, vì sự phát triển và lợi ích chung.

Việc khuyến khích tăng cường triển khai một số nguyên tắc mang tính chủ trương như: tích hợp nội dung, lồng ghép nguồn lực, phân cấp và trao quyền, cần đi đôi với hoàn thiện văn bản hướng dẫn cụ thể, đồng bộ để tạo thuận lợi cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện; tránh tình trạng các nguyên tắc được đưa vào kế hoạch, nhiệm vụ nhưng lại gặp bất cập, vướng mắc khó triển khai do chưa có quy định cụ thể hoặc không phù hợp.

Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chủ trì các nội dung, hoạt động cụ thể thuộc Chương trình; làm tốt công

tác phối kết hợp giữa các cấp, các ngành; tránh sự chồng chéo trong phân công nhiệm vụ, không đơn vị chịu trách nhiệm.

### **III. Giải pháp thực hiện thời gian tới**

- Tiếp tục tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện, giải ngân nguồn vốn Chương trình theo văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình của Trung ương theo quy định; đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Chương trình.

- Thực hiện lồng ghép nguồn vốn của Chương trình với vốn Quỹ “Vì người nghèo” của tỉnh cho hộ nghèo đồng bào DTTS.

- Tăng cường thực hiện theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình để nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc để có biện pháp tháo gỡ kịp thời cho các đơn vị triển khai thực hiện; chỉ đạo các sở, ngành tăng cường hướng dẫn thực hiện các Thông tư, văn bản của Bộ, ngành Trung ương theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 619/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 về tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường trách nhiệm Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân nguồn vốn phân bổ; chỉ đạo theo dõi tiến độ thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn hoặc báo cáo, đề xuất cấp thẩm quyền tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình./.

---

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
BAN DÂN TỘC

**TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN CÁC DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH MTQG 1719**  
*Năm 2022, 2023*

TT	Dự án	Kế hoạch phân bổ vốn			Tiến độ thực hiện			Tỷ lệ		
		Tổng	Đầu tư	Sự nghiệp	Tổng	Đầu tư	Sự nghiệp	Tổng	Đầu tư	Sự nghiệp
1	Dự án 1	90,097	63,880	26,217	42,735.66	35,896	6,839.66	47.43	56.19	26.09
2	Dự án 2	196,358	196,358	-	126,614.00	126,614		64.48	64.48	
3	Dự án 3	33,117	-	33,117	10,480.11		10,480.11	31.65		31.65
4	Dự án 4	121,091	116,314	4,777	82,738.30	80,558	2,180.30	68.33	69.26	45.64
5	Dự án 5	53,186	16,802	36,384	15,620.04	13,213	2,407.04	29.37	78.64	6.62
6	Dự án 6	21,052	15,488	5,564	10,787.80	8,113	2,674.80	51.24	52.38	48.07
7	Dự án 7	4,021	-	4,021	1,008.11		1,008.11	25.07		25.07
8	Dự án 8	4,564	-	4,564	2,087.75		2,087.75	45.74		45.74
9	Dự án 9	11,100	-	11,100	879.64		879.64	7.92		7.92
10	Dự án 10	11,250	1,322	9,928	3,891.75	90	3,801.75	34.59	6.81	38.29
<b>Chung</b>		<b>545,836</b>	<b>410,164</b>	<b>135,672</b>	<b>296,843.16</b>	<b>264,484</b>	<b>32,359.16</b>	<b>54.38</b>	<b>64.48</b>	<b>23.85</b>

**TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN CỦA CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG 1719  
NĂM 2022, NĂM 2023**

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn phân bổ (triệu đồng) năm 2022, Năm 2023									Kế quả giải ngân (triệu đồng)									Tỷ lệ giải ngân (%)		
		Tổng	ĐTPT	SN	Năm 2022			Năm 2023			Tổng	ĐTPT	SN	Năm 2022			Năm 2023			Tổng	Năm 2022	Năm 2023
					Tổng	ĐTPT	SN	Tổng	ĐTPT	SN				Tổng	ĐTPT	SN	Tổng	ĐTPT	SN			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>545,836</b>	<b>410,164</b>	<b>135,672</b>	<b>224,515</b>	<b>178,903</b>	<b>45,612</b>	<b>321,321</b>	<b>231,261</b>	<b>90,060</b>	<b>295,702.7</b>	<b>263,344</b>	<b>32,359.16</b>	<b>173,370</b>	<b>152,463</b>	<b>20,907</b>	<b>122,332</b>	<b>110,881</b>	<b>11,451.89</b>	<b>54.17</b>	<b>77.22</b>	<b>38.07</b>
1	Huyện Lộc Ninh	205,687	174,002	31,685	83,306	75,090	11,979	76,638	98,912	19,706	108,814	106,792	2,022	66,354	64,879	1,475	35,679	41,913	547	52.90	79.65	46.56
2	Huyện Bù Đăng	73,738	56,204	17,534	21,139	18,542	3,066	48,913	37,662	14,468	48,186	42,315	5,871	20,732	18,069	2,663	27,454	24,246	3,208	65.35	98.07	56.13
3	Huyện Bù Đốp	31,437	23,889	7,548	8,611	6,576	2,427	21,458	17,313	5,121	11,372	10,047	1,325	3,026	1,861	1,165	8,346	8,186	160	36.17	35.14	38.89
4	Huyện Bù Gia Mập	154,286	134,536	19,750	68,520	67,683	3,565	79,538	66,853	16,185	95,600	92,383	3,217	61,398	60,432	966	34,202	31,951	2,251	61.96	89.61	43.00
5	Huyện Phú Riêng	6,739	3,128	3,611	2,094	947	1,240	4,354	2,181	2,371	1,536	1,211	325	1,103	939	164	433	272	161	22.79	52.67	9.94
6	Huyện Đồng Phú	8,506	3,014	5,492	1,743		1,823	6,524	3,014	3,669	1,829	604.5	1,224	491		491	1,071	604.5	733	21.50	28.17	16.42
7	Huyện Hớn Quản	12,827	10,011	2,816	6,818	7,048	69	5,522	2,963	2,747	9,576	8,967	609	6,161	6,092	69	3,415	2,875	540	74.66	90.36	61.84
8	TX Bình Long	5,092	2,063	3,029	1,887	1,610	363	2,990	453	2,666	1,218	591	627	295	138	157	923	453	470	23.92	15.63	30.87
9	TX Chơn Thành	135	53	82	80	53	27	55		55	135	53	82	80	53	27	55		55	100.00	100.00	100.0
10	Sở Lao động, TB&XH	6,559	0	6,559	2,381		2,381	4,178		4,178	219	0	219	194		193.7	25.2		25.2	3.34	8.14	0.60
11	Hội LHPN tỉnh	2,067	0	2,067	1,235		1,235	832		832	1,607	0	1,607	1,235		1,235	372.31		372.31	77.76	100.00	44.75
12	Sở TT&TT	2,468	0	2,468				2,468		2,468	117.13	0	117.13	0			117.131		117.131	4.75		4.75
13	Sở Văn hóa, TT&DL	3,516	1,554	1,962	2,112	599	1,513	1,404		449	1,493	0	1,493	1,245		1,245	143.6		247.9	42.46	58.95	10.23
14	Sở Y tế	1,462	0	1,462	1,068		1,068	394		394	735	0	735	651		651.47	83.644		83.644	50.28	61.00	21.23
15	Sở NN&PTNT	3,088	0	3,088							2,125	0	2,125	2,125		2,125.1				68.82		



16	Vườn QG Bù Gia Mập	11,540	0	11,540			6,632	4,908		4,908	8,079		8,079	6,632		6,632		1447	70.01		0.00	
17	Ban Dân tộc	14,002	1,607	12,395	5,788	652	5,136	8,214	955	7,259	2,964	380	2,584	1,648		1,648	1315.7	380	935.7	21.17	28.47	16.02
18	LM Hợp tác xã	2,214	52	2,162	52	52		2,162		2,162	98	0	98	0			98		98	4.43	0.00	4.53
19	Hội Nông dân tỉnh	422	0	422				422		422	0	0	0	0						0.00		0.00
20	Tinh đoàn	51	51	0	51	51					0	0	0	0						0.00	0.00	

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

**BAN DÂN TỘC**

Số: /BC-BDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

## BÁO CÁO

### Sơ kết đánh giá việc thực hiện “Đề án Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2025”

Căn cứ Công văn số 4015/UBND-KGVX ngày 07/11/2023 về việc triển khai các kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về giám sát thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 27/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, UBND tỉnh thuận chủ trương tổ chức sơ kết đánh giá thực hiện Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh Bình Phước lồng ghép vào hội nghị tổng kết công tác dân tộc năm 2023. Ban Dân tộc tỉnh căn cứ tình hình thực tế thực hiện phù hợp, đúng quy định.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các sở, ban, ngành của tỉnh (Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tin và Truyền thông; Tư pháp; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Tỉnh đoàn; Sở Ngoại vụ; Sở Nội vụ; Xây dựng) và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Ban Dân tộc báo cáo Sơ kết đánh giá việc thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2025”, như sau:

## I. KHÁI QUÁT CHUNG

### 1. Tình hình kinh tế - xã hội và các DTTS

Bình Phước là tỉnh thuộc khu vực Đông Nam bộ, có 03 huyện giáp nước bạn Campuchia với đường biên giới 258,939 km, có nhiều cửa khẩu và lối mở. Dân số toàn tỉnh có 1.034.667 người, có 40 thành phần DTTS với 203.519 người (DTTS), chiếm 19,67%; đồng bào DTTS sinh sống đan xen trên địa bàn 111 xã, phường, thị trấn của 11 huyện, thị xã, thành phố; chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp, tập trung ở địa bàn miền núi, vùng sâu, biên giới, có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh.

Trong những năm qua, được sự quan tâm hỗ trợ đầu tư của Đảng, Nhà nước và sự nỗ lực của các ngành, các cấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn được

duy trì ở mức khá cao, việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS lồng ghép với các chương trình, chính sách, dự án khác trên địa bàn tỉnh đã thu được nhiều kết quả, đời sống kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi ngày một thay đổi từng bước được nâng lên.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một bộ phận hộ đồng bào dân tộc thiểu số vẫn chưa thật sự ổn định, trình độ dân trí còn thấp, một số phong tục, tập quán lạc hậu còn tồn tại, biến đổi khí hậu, dịch bệnh ... đã ảnh hưởng đến đời sống của đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn, thiếu đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt, không có nghề nghiệp ổn định. Bên cạnh đó, một bộ phận đồng bào dân tộc nghèo còn chưa có ý thức tự lực vươn lên thoát nghèo, y lại vào chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước. Tình trạng vay nặng lãi, bán điều non, cầm cố đất đai, nghe lời kẻ xấu xúi giục vẫn diễn ra...

## **2. Thực trạng bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh**

Trong những năm qua các cấp ủy Đảng và chính quyền trong tỉnh rất quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới, xem đây là một trong những mục tiêu xuyên suốt trong tiến trình phát triển của địa phương. Cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của các cấp, các ngành và cộng đồng xã hội, đến nay nhiều thành tựu về bình đẳng giới từng bước đã được khẳng định. Luật Bình đẳng giới và các hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ đang từng bước thực hiện có hiệu quả việc thúc đẩy bình đẳng giới. Bình đẳng giới trong gia đình là vợ chồng có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trong các hoạt động của gia đình, có ý thức trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách công bằng như: Quyền quyết định số con, khoảng cách sinh, việc chăm sóc và nuôi dạy con cái... trên cơ sở chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, tạo sự đồng thuận. Sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau của cả vợ và chồng giúp cho sự phát triển của gia đình được ổn định và bền vững.

Ngày nay, vai trò, vị trí của người phụ nữ nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tham gia các hoạt động xã hội đã được nâng lên rất nhiều so với trước. Tuy nhiên, xét về thực trạng vấn đề giới vẫn còn những bức xúc trong gia đình như: Phụ nữ vẫn phải làm những công việc nội trợ là chủ yếu; vẫn còn tư tưởng trọng nam khinh nữ trong quá trình sinh con, nuôi con, chăm sóc con cái, kế hoạch hóa gia đình; tình trạng bạo lực trong gia đình vẫn còn tồn tại và xảy ra ở một số nơi...

Nguyên nhân chính dẫn đến bất bình đẳng giới trong gia đình là do ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến gia trưởng cùng với sự thay đổi chậm chạp của ý thức xã hội và hầu như nam giới chưa thay đổi quan niệm trụ cột của mình với gia đình, chính họ đã tự đặt cho mình trọng trách lớn. Phụ nữ thì còn tự ti, luôn nghĩ mình

là người hỗ trợ cho vai trò trụ cột của chồng. Sự chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành thị đã làm cho những người phụ nữ ở lại địa phương thêm gánh nặng, vừa đảm nhận lao động sản xuất vừa lo việc chăm sóc con cái và nội trợ trong gia đình.

Mặt khác, trình độ học vấn cũng góp phần quan trọng trong việc tạo quyền quyết định trong gia đình. Nếu trong gia đình cả hai vợ chồng có học vấn cao thì sự bàn bạc, thỏa thuận chiếm tỷ lệ lớn; nếu người vợ có trình độ học vấn thấp thì quyền quyết định mọi mặt chủ yếu vẫn là chồng và ngược lại. Về vấn đề kinh tế gia đình cũng là nguyên nhân dẫn đến mất bình đẳng trong gia đình.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Công tác tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 04/4/2018**

Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Công văn số 232/UBND-KGVX ngày 05/02/2018 về việc thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Ban Dân tộc đã dự thảo Kế hoạch thực hiện và lấy ý kiến các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã tại Công văn số 73/BDT-TTĐB ngày 22/3/2018 về việc đề nghị góp ý dự thảo kế hoạch của UBND tỉnh. Sau khi nhận được các văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị Ban Dân tộc đã tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch và trình UBND tỉnh ban hành tại Tờ trình số 08/TTr-BDT ngày 30/3/2018 về việc tham mưu Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Hàng năm từ năm 2019 đến 2022, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch công tác dân tộc, trong đó có nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh.

### **2. Công tác tham mưu và triển khai thực hiện**

#### **2.1. Ban Dân tộc**

Đã tham mưu UBND tỉnh và ban hành các văn bản để thực hiện các nội dung liên quan đến hoạt động bình đẳng giới vùng đồng bào DTTS, như sau:

- Hàng năm, trong các Kế hoạch thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh, Ban Dân tộc đã chủ động tham mưu đưa nội dung triển khai thực hiện Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh vào trong nhiệm vụ trọng tâm trong công tác hàng năm của ngành.

- Ban Dân tộc đã thực công tác Báo cáo số 197/BC-BDT ngày 31/12/2021 báo cáo kết quả thực hiện Đề án Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 – 2021 (theo yêu cầu của Ủy ban Dân tộc).

- Trong quá trình thực hiện KH 79, Ban Dân tộc đã phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện các nội dung:

+ Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 23/10/2015 về thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016 - 2020.

+ Công văn số 766/UBND-KGVX ngày 30/3/2018 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2021” trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Ngoài ra, hàng năm Ban còn xây dựng, ban hành các kế hoạch tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số. Nhằm thực hiện có hiệu quả hoạt động công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật trong vùng đồng bào DTTS.

## **2.2. Sở Thông tin và Truyền thông**

Thực hiện các kế hoạch của UBND tỉnh về công tác bình đẳng giới, hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông đều ban hành kế hoạch, văn bản tuyên truyền về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh. Các nội dung triển khai thực hiện như: chỉ đạo, hướng dẫn công tác thông tin tuyên truyền; thẩm định, cấp phép xuất bản đối với các tài liệu về bình đẳng giới theo quy định; bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền về bình đẳng giới cho đội ngũ tuyên truyền về bình đẳng giới (phóng viên báo chí, Phòng VH TT, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện và cấp xã); thanh kiểm tra các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản liên quan đến thông tin tuyên truyền Luật Bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh.

Tại các hội nghị giao ban và cung cấp thông tin cho báo chí định kỳ, Sở đã phổ biến, quán triệt các cơ quan báo chí tích cực đẩy mạnh tuyên truyền, tăng cường xây dựng nội dung các chuyên trang, chuyên mục phổ biến, giáo dục về giới và chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, như: Nghị quyết 11/NQ-TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNHHĐH đất nước; Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Đặc biệt, công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới chú trọng vào việc định hướng, khuyến khích thực hiện bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình; không mang định kiến giới, không tạo ra định kiến giới; loại bỏ mọi sự phân biệt đối xử về giới.

## **2.3. Sở Tư pháp**

Đã ban hành Kế hoạch số 29/KH-STP ngày 27/4/2018 để triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2018- 2025 tại Sở Tư pháp. Trong đó thực hiện nội dung được UBND tỉnh giao tăng cường thực hiện các hoạt động tư vấn, trợ giúp pháp lý về bình đẳng giới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và phối hợp với Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tham mưu UBND tỉnh trong việc chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng nội dung bình đẳng giới trong các bản hương ước, quy ước của thôn, ấp, cộng đồng dân cư.

#### **2.4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Sở đã ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức tuyên truyền lồng ghép trong công tác phục vụ nhiệm vụ chính trị ở cơ quan trong đó có các nội dung công tác dân tộc, như: Đề án "Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước"; công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước với nhiều hình thức phong phú, sinh động cụ thể: Tổ chức và tham gia các hội thi, hội diễn; tuyên truyền cổ động bằng pa nơ, băng rôn; biểu diễn nghệ thuật,...

- Thực hiện các hoạt động nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng ban hành kế hoạch năm, lồng ghép công tác bình đẳng giới thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vào các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình.

#### **2.5. Sở Nội vụ**

Đã tham mưu UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 347/KH-UBND ngày 22/11/2023 làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện, trong đó đề ra mục tiêu ở những địa bàn có đồng bào DTTS, phải có cán bộ lãnh đạo là người DTTS phù hợp với cơ cấu dân cư; đồng thời, tạo nguồn nữ cán bộ DTTS, hỗ trợ nâng cao năng lực để cán bộ nữ dân tộc thiểu số tham gia vị trí lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Sở Nội vụ cũng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 07/9/2022 triển khai thực hiện Đề án 05-ĐA/TU ngày 12/7/2022 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, tại Kế hoạch, UBND tỉnh đã đặt ra nhiệm vụ tập trung chỉ đạo và triển khai công tác quy hoạch cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, 2025-2030 đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo tính kế thừa, phát triển coi trọng việc nâng cao chất lượng quy trình quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học, cơ cấu đúng chuyên môn đào tạo, theo vị trí việc làm,

theo khối, lĩnh vực và kinh nghiệm công tác. Ưu tiên cán bộ có bản lĩnh, năng lực nổi trội và triển vọng phát triển để giới thiệu vào quy hoạch các chức lãnh đạo, quản lý, kể cả vượt cấp, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ.

## **2.6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đã chủ động phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh thực hiện, lồng ghép các nội dung Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 04/4/2018 với việc thực hiện Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và nhiều văn bản về bình đẳng giới bao gồm các kế hoạch, chương trình, công văn triển khai công tác bình đẳng giới, chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Theo chức năng nhiệm vụ từng sở, ngành đã thực hiện, lồng ghép các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu về công tác bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới vào các lĩnh vực mà ngành quản lý.

Ngoài ra, Sở còn chủ động tham mưu UBND tỉnh, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh các văn bản triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn về bình đẳng giới... góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả của công tác bình đẳng giới nói chung trong toàn tỉnh và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng.

## **2.7. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh**

Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã chỉ đạo Hội LHPN các huyện, thị xã, thành phố các đơn vị trực thuộc, các tổ chức thành viên tổ chức lồng ghép hoạt động tuyên truyền bình đẳng giới, nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ trong việc triển khai các hoạt động công tác hội.

Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I (2021 - 2025). Đồng thời, ban hành Kế hoạch số 102/KH-BTV ngày 28/02/2023 về thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” năm 2023.

Việc triển khai thực hiện Dự án 8 trên địa bàn tỉnh Bình Phước sẽ là cơ hội để thúc đẩy mạnh mẽ và tạo sự chuyển biến nâng cao chất lượng cuộc sống, giải quyết một cách căn bản bất bình đẳng trong nhiều lĩnh vực đối với phụ nữ và trẻ em gái ở vùng DTTS và miền núi. Góp phần vào mục tiêu thúc đẩy “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” vùng đồng bào dân tộc thiểu số cả nước.

## **2.8. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Hàng năm, thực hiện lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, phòng chống bạo lực gia đình trong các Trường phổ thông dân tộc nội trú trong tỉnh thông qua việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học.

## **2.9. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

Đã ban hành kế hoạch thực hiện trên địa bàn huyện; Chỉ đạo Phòng Dân tộc, UBND các xã tiếp nhận, cấp phát các tờ gấp, cuốn sổ tay do Ủy ban Dân tộc và Ban Dân tộc tỉnh gửi đến các thôn, ấp, sóc để người dân được tiếp cận và một số tài liệu được các báo cáo viên biên soạn và phát tại các buổi hội nghị, tập huấn, tuyên truyền.

Hàng năm, thường xuyên tổ chức các hội nghị phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng: cán bộ Dân tộc - Tôn giáo, cán bộ xóa đói giảm nghèo xã, thị trấn, Trưởng, (phó) ấp, Ban công tác mặt trận ấp, già làng, người có uy tín, thanh thiếu niên là người DTTS.

100% cán bộ, công chức làm công tác dân tộc; cán bộ, công chức công tác liên quan đến bình đẳng giới ở cấp huyện, cấp xã và người có uy tín, già làng tiêu biểu, xuất sắc trong đồng bào DTTS được phổ biến pháp luật về bình đẳng giới và tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực tổ chức triển khai thực hiện, tuyên truyền chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

## **3. Công tác phổ biến, tuyên truyền về bình đẳng giới**

3.1. Trong những năm qua, Ban Dân tộc đã chủ trì và phối hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ:

- Chủ trì thực hiện các hội nghị tập huấn trong đó có nội dung bình đẳng giới cho 1.785 lượt già làng, người có uy tín để làm hạt nhân thực hiện tuyên truyền cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh từng bước nâng cao hiểu biết pháp luật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức chấp hành pháp luật của Nhà nước trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- In phát hành 50.000 tờ rơi tuyên truyền về tảo hôn, hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hàng năm biên soạn, phát hành 06 kỳ/4.800 cuốn Bản tin Dân tộc và Miền núi tỉnh Bình Phước với các tin, bài về chủ trương phát triển kinh tế xã hội; công tác dân tộc, chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước; kết quả thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh và các địa phương; chính sách pháp luật về các Luật: Giáo dục, Văn hóa, Y tế, Bình đẳng giới, Biên giới quốc gia, Khiếu nại, Tố cáo, Trợ giúp pháp lý, Bảo vệ và phát triển rừng, An toàn giao thông, Phòng, chống ma túy, Mại dâm; Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo...; Cấp 240



kỳ/83.938 tờ Báo Dân tộc và Phát triển; 784 kỳ/294.320 tờ Báo Bình Phước cho người có uy tín và già làng tiêu biểu.

- Duy trì hoạt động trang thông tin điện tử của Ban Dân tộc [www.bdtbinhphuoc.gov.vn](http://www.bdtbinhphuoc.gov.vn) để cung cấp thông tin, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các hoạt động tuyên truyền về văn hóa, các gương điển hình, người tốt việc tốt trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Trong những năm qua đã đăng tải, tuyên truyền trên 830 tin, bài các loại lên trang thông tin điện tử, trang Fanpage Ban Dân tộc và các trang báo Bình Phước, báo Dân tộc và Phát triển, trang thông tin điện tử Ban Dân vận.

- Về hoạt động tư vấn, can thiệp, triển khai mô hình điểm thực hiện Đề án Ban Dân tộc đã tổ chức 02 đợt nói chuyện chuyên đề, tư vấn về tảo hôn, hôn nhân cận huyết cho 200 người dân tộc thiểu số tại xã Đồng Nai. Xây dựng 01 bảng Pa nô trước UBND xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng.

- Năm 2023, thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 9 và Tiểu dự án 1 – Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. Ban Dân tộc đã tổ chức 04 lớp tập huấn, tuyên truyền cho đồng bào dân tộc thiểu số cho 400 người tại 04 xã (xã Lộc Quang, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh; xã Phú Văn, xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập); in và phát hành 2.350 cuốn sổ tay truyền truyền về hôn nhân và gia đình cấp cho học sinh và phụ huynh các trường dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh.

3.2. Các cơ quan truyền thông đại chúng của tỉnh đã xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, triển khai thực hiện tốt về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ. Một số kết quả cụ thể:

- Từ năm 2018 đến nay, đã cập nhật, đăng tải hơn 400 tin bài tuyên truyền về bình đẳng giới trên Cổng TTĐT tỉnh, các trang trên mạng xã hội của Cổng và Trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Thực hiện định hướng của Sở, các cơ quan báo chí của tỉnh; 13 cơ quan hợp tác thông tin với tỉnh đã đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền phổ biến giáo dục về công tác bình đẳng giới, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa; đặc biệt, chú trọng nêu gương tốt, điển hình tiên tiến trong thực hiện bình đẳng giới, thông tin công khai những vụ việc vi phạm về bình đẳng giới.

- Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước: Đã triển khai tuyên truyền trên 4 loại hình báo chí qua các chuyên trang, chuyên mục định kỳ về vị trí, vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay và hội nhập quốc tế... Tuyên truyền cho bạn đọc, bạn nghe, xem đài nhận thức về tầm quan trọng của bình đẳng giới, nâng cao quyền

phụ nữ, góp phần thúc đẩy sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác này.

+ Trên báo in, báo điện tử Bình Phước: Từ năm 2018 đến nay đăng tải hơn 96 tin, bài, clip. Nội dung tuyên truyền thực hiện Đề án, phổ biến các quy định của pháp luật về bình đẳng giới, về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của cán bộ công chức viên chức và các tầng lớp nhân dân về bình đẳng giới.

+ Trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh: Từ năm 2018 đến nay đăng tải hơn 247 tin, bài. Chuyên mục “Vì sự tiến bộ phụ nữ”: Mỗi tháng thực hiện 2 kỳ phát sóng, với thời lượng 15 phút/1 kỳ. Có nhiều tiểu mục, tuyên truyền văn bản mới, chính sách mới như: Phòng chống bạo lực, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em gái; Nâng cao đời sống cho các công nhân nữ... nhằm bảo đảm về quyền lợi và nâng cao chất lượng đời sống cho nữ giới...Ngoài ra, lồng ghép trong các chương trình Thời sự, Tiếng S’tiêng, Tiếng Khmer được phát sóng hàng ngày.

Một số tin, bài tiêu biểu như: Hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với đồng bào dân tộc thiểu số; Chống tái nghèo vùng DTTS - ý thức là tiên quyết; Xác định rõ phạm vi, đối tượng tác động bởi chương trình phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS ; Cần quan tâm hơn đến thể trạng, sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số; Phụ nữ dân tộc thiểu số thoát nghèo nhờ vốn chính sách; Chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, thực hiện bình đẳng giới trong gia đình; Nhiều kết quả nổi bật trong thực hiện Nghị định số 05 về công tác dân tộc; Hội thảo đánh giá giữa kỳ dự án 8 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tại Bình Phước; thị xã Chơn Thành: Phổ biến, giáo dục pháp luật cho phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số; Bảo đảm quyền bình đẳng của đồng bào dân tộc thiểu số; 400 đồng bào dân tộc thiểu số được tuyên truyền phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết; Tập huấn bình đẳng giới và giai quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, trẻ em; Thúc đẩy bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ; Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hội LHPN thị xã Chơn Thành tuyên truyền pháp luật cho phụ nữ và trẻ em; huyện Đồng Phú tuyên truyền phòng, chống bạo lực gia đình;...

- Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thị, thành phố: đã phối hợp với các đơn vị liên quan như: Dân số Kế hoạch hóa gia đình, Phòng Tư Pháp, Phòng Lao động Thương binh - xã hội và Bảo Hiểm Xã Hội ... tuyên truyền về Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Lao động; tuyên truyền các hoạt động phòng chống bạo lực gia đình, quyền con người, quyền công dân; bảo vệ người khuyết tật; các chính sách và chế độ về bảo hiểm; tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, công tác cán bộ nữ... Xây dựng chuyên mục “Vì sự tiến bộ của phụ nữ”, “Tìm hiểu pháp luật”, tuyên truyền phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” phát sóng hàng

tuần nhằm tuyên truyền các chính sách về dân số, về giới, về pháp luật trong đó có lồng ghép tuyên truyền chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới đến các tầng lớp nhân dân. Cộng tác với Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước phát sóng các tin, bài liên quan đến chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới tại cơ sở. Đẩy mạnh tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh ứng dụng công nghệ IP trên địa bàn tỉnh (843/843 thôn, ấp, khu phố thuộc 111/111 xã, phường, thị trấn của tỉnh với tổng số 1.639 cụm, 3.807 loa).

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Triển khai Kế hoạch về mô hình phòng, chống bạo lực gia đình tại 07 phường: Hưng Chiến, An Lộc, Phú Đức (thị xã Bình Long); Phước Bình, Long Phước (thị xã Phước Long); Tân Phú, Tân Bình (thành phố Đồng Xoài); Triển khai 03 lớp tập huấn Chương trình phòng, chống bạo lực gia đình năm 2023 cho 03 huyện, thị: Đồng Phú, Lộc Ninh và Thị xã Phước Long với 561 học viên tham gia. Tuyên truyền về giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, các kiến thức cơ bản về gia đình, kỹ năng ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, bình đẳng giới, cách phòng, chống bạo lực gia đình. Đối tượng được cấp phát: Ban chỉ đạo công tác gia đình các cấp; các tổ hòa giải của các thôn, ấp, khu phố và các gia đình trên địa bàn. Treo băng rôn tuyên truyền nhân hưởng ứng Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3; Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình và Ngày Gia đình Việt Nam 28/6; Ngày Quốc tế xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ 25/11; xây dựng 35 pa nô tuyên truyền về công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình tại các địa bàn trọng điểm. Tổ chức Hội nghị nhân dân bàn về công tác gia đình. Đây là diễn đàn để người dân có cơ hội bày tỏ suy nghĩ, tâm tư, nguyện vọng của mình đối với chính quyền và các ngành, nhất là ở cấp cơ sở về công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình tại địa phương. Hoạt động này được đông đảo người dân và lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương đánh giá là rất thiết thực trong việc thực hiện nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” về công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình tại địa phương.

#### **4. Các hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện Đề án**

- Ban Dân tộc phối hợp với Sở Tư pháp, Công an tỉnh tổ chức 7 lớp tập huấn, bồi dưỡng phổ biến kiến thức pháp luật cho các già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, thông qua các lớp này lồng ghép triển khai, phổ biến các nội dung liên quan đến tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các nội dung liên quan đến tình trạng bạo lực gia đình...; Năm 2019 và năm 2020 phối hợp với Vụ pháp chế và Học viện Dân tộc của Ủy ban dân tộc tổ chức 01 lớp bồi dưỡng phổ biến pháp luật cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Bù Đăng và tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 90 cán bộ, công chức, viên chức làm

công tác dân tộc tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; Năm 2023 với Vụ pháp chế Ủy Ban Dân tộc tổ chức hội nghị tập huấn phổ biến pháp luật cho hơn 100 cán bộ thôn ấp và đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Bù Đăng (theo Đề án 1163); tổ chức 01 Lớp tập huấn triển khai thực hiện Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ cho 36 cán bộ làm công tác dân tộc, 44 cán bộ thôn ấp, già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Trong các nội dung tập huấn, có nội dung liên quan đến Luật hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới...

- Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh cho đối tượng là: phóng viên các cơ quan báo chí của tỉnh; các đơn vị hoạt động Bản tin; Trang thông tin điện tử; cán bộ Phòng Văn hóa - Thông tin và Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thị xã, thành phố; cán bộ phụ trách công tác truyền thông cơ sở với hơn 150 người tham dự. Đã sản xuất các sản phẩm truyền thông (ban tin đồ họa; đồ họa thông tin chuyển động) về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ trên Trang thông tin điện tử của Sở với 40 tin, bài.

- Xuất bản các tờ rơi tuyên truyền: “Các quyền bình đẳng của phụ nữ trong gia đình”; “Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động - việc làm” với số lượng là 12.000 bản nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

Các đơn vị đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ thực hiện tốt chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ khuyết tật; kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc, chăm sóc giáo dục con, phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, tai nạn thương tích trẻ em với nhiều hình thức phong phú như: Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số”, “Phụ nữ khởi nghiệp”, tổ chức gặp mặt, biểu dương gia đình hạnh phúc tiêu biểu, tổ chức các buổi diễn đàn, giao lưu “Cùng con vượt qua tuổi dậy thì”, “Trạm yêu thương”, “Lắng nghe trẻ bằng trái tim, bảo vệ trẻ bằng hành động”,... thu hút trên 5.848 lượt người tham dự; sinh hoạt 243 câu lạc bộ “Phòng chống mua bán người”, “Bình đẳng giới”, “Phòng, chống bạo lực gia đình”; “Trợ giúp pháp lý cho phụ nữ, “Nam giới nói không với bạo lực gia đình”, “Xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Cha mẹ tốt của con”...; "Góc tư vấn giáo dục đời sống gia đình, giáo dục trước hôn nhân, tư vấn tiền hôn nhân", đã tổ chức được 1.090 cuộc cho 71.906 lượt người tham dự. Tổ chức 45 hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Hội LHPN các cấp, lãnh đạo các ngành liên quan với trên 5.000 cán bộ, hội viên, phụ nữ tham dự. Qua đó tập trung tìm giải pháp tháo gỡ các vấn đề khó khăn, bất cập trong thực hiện chế độ, chính sách về vay vốn, bảo hiểm y tế,

bảo hiểm xã hội, việc làm và các lĩnh vực khác liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ tại địa phương.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 249/KHUBND ngày 07/9/2022 triển khai thực hiện Đề án 05-ĐA/TU ngày 12/7/2022 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, tại Kế hoạch, UBND tỉnh đã đặt ra nhiệm vụ tập trung chỉ đạo và triển khai công tác quy hoạch cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2020 -2025, 2025-2030 đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo tính kế thừa, phát triển coi trọng việc nâng cao chất lượng quy trình quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học, cơ cấu đúng chuyên môn đào tạo, theo vị trí việc làm, theo khối, lĩnh vực và kinh nghiệm công tác. Ưu tiên cán bộ có bản lĩnh, năng lực nổi trội và triển vọng phát triển để giới thiệu vào quy hoạch các chức lãnh đạo, quản lý, kể cả vượt cấp, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Trong giai đoạn 2019-2023, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh bố trí công tác 45 trường hợp nữ sinh viên người DTTS tốt nghiệp diện cử tuyển về công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Các huyện, thị xã, thành phố, chủ động xây dựng Chương trình, kế hoạch và bố trí kinh phí và duy trì, triển khai thực hiện các hoạt động Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ đảm bảo theo quy định; phối hợp đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ dưới nhiều hình thức, tiếp tục duy trì hoạt động các mô hình thực hiện bình đẳng giới.

Các hoạt động trên đã góp phần quan trọng làm chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người dân tỉnh Bình Phước về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

#### **4. Kết quả đạt được đối với các mục tiêu cụ thể**

4.1. Đối với tỷ lệ 100% cán bộ, công chức làm công tác dân tộc; 50% cán bộ, công chức làm công tác liên quan đến bình đẳng giới ở cấp huyện, cấp xã và người có uy tín, già làng tiêu biểu, xuất sắc trong đồng bào DTTS được phổ biến pháp luật về bình đẳng giới và tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực tổ chức triển khai thực hiện, tuyên truyền chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Cơ bản đạt mục tiêu đề ra.

4.2. Đối với tỷ lệ trên 85% số hộ gia đình đồng bào DTTS được tiếp cận thông tin về giới và bình đẳng giới. Chỉ tiêu này đã cơ bản đạt mục tiêu (*thông qua nhiều đợt tập huấn, tuyên truyền các sở, ngành, Đài Phát thanh Truyền hình và báo Bình Phước thông qua các nhóm đối tượng từ Hội phụ nữ, đoàn thanh niên, học sinh và phụ huynh các Trường dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh và tỷ lệ 100% phủ sóng internet trên địa bàn tỉnh*).

4.3. Tỷ lệ 100% học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trong tỉnh và các huyện được tuyên truyền kỹ năng sống, về giới và bình đẳng giới với nội dung, thời lượng phù hợp với lứa tuổi. Chỉ tiêu này đã thực hiện đạt mục tiêu đề ra (*Trong giai đoạn các ngành, địa phương đã tổ chức nhiều đợt tuyên truyền cho các trường phổ thông dân tộc nội trú và thực hiện Tiểu dự án 2 – Dự án 9 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, Ban Dân tộc đã in, phát hành 2.350 cuốn sổ tay hỏi đáp về hôn nhân gia đình và bình đẳng giới cấp cho các em học sinh của các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh*).

4.4. Tỷ lệ 60% cán bộ làm công tác dân tộc ở huyện, xã có đồng bào DTTS sinh sống được tập huấn kỹ năng hoạt động bình đẳng giới, kỹ năng lồng ghép giới trong soạn thảo văn bản và tổ chức thực hiện chính sách. Cơ bản đạt mục tiêu đề ra.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Hiệu quả của Đề án**

Qua công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Bình đẳng giới đã phần nào thay đổi nhận thức và hành vi của cộng đồng, gia đình và cá nhân, từng bước thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng giới, các hoạt động tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành và nhân dân. Thực hiện bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, coi việc thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, gia đình và mọi cá nhân.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới được tổ chức rộng khắp, lồng ghép bằng nhiều hình thức đã cơ bản đạt và vượt các mục tiêu cụ thể đề ra tại Kế hoạch 79/KH-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh.

#### **2. Thuận lợi**

Nhìn chung công tác tuyên truyền về bình đẳng giới được cơ quan thực hiện nghiêm túc lồng ghép vào nội dung tuyên truyền công tác dân tộc, chính sách dân tộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Thông qua các hoạt động tuyên truyền đã truyền tải được nội dung, thông tin về bình đẳng giới đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân, từ đó nâng cao nhận thức cho mỗi cá nhân, có sự thay đổi hành vi về bình đẳng giới; giúp nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới, góp phần ngăn ngừa các hành động phân biệt đối xử về giới trong các hoạt động của đời sống xã hội, đặc biệt là đối với phụ nữ và trẻ em gái ở địa bàn nông thôn, địa bàn vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh.

#### **2. Khó khăn, vướng mắc**

- Nhận thức về vấn đề bình đẳng giới tuy đã có chuyển biến tích cực, nhưng có nơi nhận thức của một số đồng bào DTTS về pháp luật còn nhiều hạn chế, tư tưởng trọng nam khinh nữ, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái được chăm sóc sức khỏe và tham gia học tập còn nhiều hạn chế.

- Kinh phí để thực hiện các hoạt động tuyên truyền và thực hiện bình đẳng giới chủ yếu được thực hiện lồng ghép với các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ của từng ngành và từng địa phương, chưa đáp ứng được việc nhân rộng mô hình trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN THỜI GIAN TỚI**

1. Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện lồng ghép Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 04/4/2018 về việc thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025” với nhiệm vụ Tiểu dự án 2, Dự án 9 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các chương trình, dự án, chính sách khác đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước để đảm bảo các mục tiêu đề ra.

2. Thực hiện tốt công tác dân tộc, chính sách dân tộc, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Đảng và Nhà nước nhằm thúc đẩy công tác bình đẳng giới phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trong đồng bào DTTS và hoàn thành thành các mục tiêu về bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng các nội dung và hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng phù hợp với tâm lý, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số. Phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tập trung đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Thực hiện công tác kiểm soát chặt chẽ thông tin, không để các sản phẩm quảng cáo mang nội dung, hình ảnh định kiến giới xuất hiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

5. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Thực hiện tốt công tác truyền thông phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ dân tộc để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào các dân tộc thiểu số về bình đẳng giới, vệ sinh, môi trường, chăm sóc sức khỏe, phòng chống HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm; phát triển văn hóa, giáo dục; thúc đẩy hoàn thành các

mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo sơ kết, đánh giá việc thực hiện “Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Văn phòng, Phòng TTĐB;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÁT BIỂU THAM LUẬN**  
**HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2023,**  
**TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ NĂM 2024**

---

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO, GIẢI QUYẾT**  
**VIỆC LÀM, ĐÀO TẠO NGHỀ CHO ĐỒNG BÀO DTTS NĂM 2023,**  
**KẾ HOẠCH NĂM 2024**

**Thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

***1. Kết quả triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2023, đặc biệt là Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS***

Bình Phước có 41 dân tộc thiểu số khác nhau sinh sống trên địa bàn 111 xã, phường, thị trấn của 11 huyện, thị xã, thành phố, người DTTS chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp, tập trung ở những xã vùng sâu, biên giới.

Từ đầu năm 2016-2018, tỷ lệ giảm nghèo DTTS hàng năm thấp, mỗi năm giảm 1,15%, chỉ đạt 57,5% so với kế hoạch (chỉ tiêu giao giảm 2%/năm); tỷ lệ hộ nghèo là người DTTS trong tổng số hộ nghèo có xu hướng tăng từ 44,37% (2016) lên 52,76% (cuối năm 2018). Đầu năm 2019, tỉnh có 8.614 hộ nghèo, chiếm 3,55% trên tổng số hộ dân, trong đó có 4.545 hộ nghèo DTTS, chiếm 52,76% trên tổng số hộ nghèo của tỉnh, chiếm 10,71% trên tổng số hộ dân là người dân tộc thiểu số. Trước thực trạng của công tác giảm nghèo đối với người DTTS nêu trên, bắt đầu từ năm 2019, Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS ra đời để hỗ trợ các chính sách giảm nghèo cho hộ nghèo dân tộc thiểu số như nhà ở (xây nhà, sửa nhà), nhà vệ sinh, nước sinh hoạt, điện, tiếp cận thông tin, hỗ trợ nông cụ phát triển sản xuất, hỗ trợ con giống, cây trồng,... nhằm tăng thu nhập cho hộ nghèo dân tộc thiểu số, tạo động lực, điều kiện thoát nghèo bền vững.

Năm 2023, là năm thứ 05 Bình Phước tiếp tục thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS. Số hộ nghèo đầu năm 2023 là 2.879 hộ chiếm 1,03% trên tổng số hộ dân. Năm 2023, UBND tỉnh giao chỉ tiêu giảm 2.000 hộ nghèo trong đó có 1.172 hộ nghèo đồng bào DTTS.

Với sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh cùng sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp để tập trung nguồn lực hỗ trợ cho người nghèo DTTS được tiếp cận, thụ hưởng đầy đủ các chính sách, dự án, các chiều thiếu hụt của gia đình người nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững. Năm 2023, tỉnh đã quan tâm bố trí ngân sách tỉnh hỗ trợ 44.259 triệu đồng (cả nguồn đầu tư công và sự nghiệp) để giảm 1.172 hộ nghèo DTTS.

Kết quả cuối năm 2023 có 2.200 hộ nghèo thoát nghèo đạt 110% so với Kế hoạch (trong đó có 1.344 hộ là đồng bào DTTS, đạt 114% so với Kế hoạch). Đầu 2024 số hộ nghèo trên địa bàn tỉnh là: 1.121 hộ chiếm tỷ lệ 0,40% trên tổng số hộ dân (số hộ nghèo là đồng bào DTTS là 574 hộ chiếm tỷ lệ 51,2% trên tổng số hộ nghèo của toàn tỉnh), đưa tỷ lệ hộ nghèo từ 1,03% xuống còn 0,40% (giảm 0,63%).

Việc thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững và giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS đã được tỉnh quan tâm chỉ đạo, tạo được sự chuyển biến tích cực trong vùng đồng bào DTTS, củng cố được lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền qua đó tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, nhất là vùng có đông đồng bào DTTS.

## **2. Về công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho đồng bào DTTS.**

Nhằm hỗ trợ cho người lao động là đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh được học nghề, có việc làm, vay vốn giải quyết việc làm để chuyển đổi ngành nghề và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Trong những năm qua, Sở Lao động – TB&XH đã có văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện công tác giải quyết việc làm và dạy nghề đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời phối hợp với ban dân tộc tỉnh tổ chức kiểm tra giám sát tình hình triển khai một số nội dung liên quan trong việc bảo trợ các chính an sinh xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Tham mưu cho UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo việc ưu tiên đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số, chăm lo cho lao động là người dân tộc thiểu số được hưởng mọi quyền lợi chế độ được Chính phủ và UBND tỉnh hỗ trợ một cách công khai và hầu hết lao động là người dân tộc thiểu số đều được hưởng những quyền lợi. Kết quả thực hiện sau:

Trong năm 2023, Toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 46.598/40.000 lao động, đạt 116% kế hoạch năm, tăng 1,8% so với năm 2022 (trong đó giải quyết việc làm cho người dân tộc thiểu số khoảng 4.000 lao động); đào tạo nghề cho 3.979 người DTTS (trong đó: 55 cao đẳng, 262 trung cấp, 339 sơ cấp, 672 dưới 3 tháng, 2.651 bồi dưỡng ngắn hạn). Nhìn chung số đồng bào dân tộc thiểu số được giải quyết việc làm chủ yếu thông qua các Chương trình định canh, định cư, cho vay nguồn vốn giải quyết việc làm, tự tạo việc làm và lao động đi làm việc tại các trại trong và ngoài tỉnh, thu hút vào các doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn; chính sách hỗ trợ cho vay nguồn vốn giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc từ nguồn vốn giải quyết việc làm của Trung ương và địa phương.

### **Kính thưa hội nghị.**

**3. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người DTTS trên địa bàn tỉnh vẫn còn những tồn tại, hạn chế**

- Việc quản lý, sử dụng nguồn lực một số nơi chưa hiệu quả (nguồn lực hỗ trợ từ các chương trình bị chồng chéo, thiếu đồng bộ nên kéo dài thời gian hỗ trợ).

- Công tác tuyên truyền, vận động chưa đạt hiệu quả tích cực. việc cập nhật, quản lý, điều tra, rà soát hộ nghèo một số địa phương còn sai sót, một số nhu cầu đề nghị hỗ trợ chưa thật sự phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng hộ, còn trùng lặp chính sách, dẫn đến việc phải thực hiện rà soát, phúc tra lại nhiều lần, có trường hợp phải thay đổi nhu cầu hỗ trợ làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình.

- Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, ban, ngành chuyên môn trong công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao khoa học kỹ thuật để hướng dẫn giúp đỡ người nghèo trong việc chọn giống cây trồng, vật nuôi phù hợp điều kiện thổ nhưỡng, nhất là sản phẩm sản xuất ra chưa được kết nối với thị trường, sức cạnh tranh thấp,... từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả, dẫn đến khó khăn trong việc thoát nghèo bền vững.

- Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm còn ít trong khi nhu cầu vay vốn của người dân và doanh nghiệp là rất lớn, thời gian cho vay đối với các dự án còn ngắn hạn do đó chưa tích lũy được nên việc trả gốc và lãi còn gặp nhiều khó khăn. Mặt khác trong những năm qua nguồn vốn bổ sung mới cho địa phương không được cấp nên một số người lao động có nhu cầu vay vốn không được vay, gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, thu nhập của người lao động.

- Số liệu đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người DTTS chủ yếu do các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh báo về, vì vậy chưa đánh giá sát về đào tạo nghề và giải quyết cho người dân tộc thiểu số. Do định mức cho các lớp đào tạo nghề ban hành cuối năm 2023 (Quyết định 39/2023/QĐ-UBND ngày 16/10/2023) và người lao động kiểm việc làm để chi tiêu tết không có nhu cầu học nghề vì vậy một số lớp đã đăng ký từ đầu năm không tổ chức được chuyển sang năm 2024.

### **Kính thưa hội nghị!**

#### **4. Trong thời gian tới, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ tăng cường phối hợp với các ngành liên quan triển khai các giải pháp như sau:**

*Thứ nhất*, Các cấp ủy đảng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo bền vững, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị nhất là nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đơn vị.

*Thứ hai*, Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý chí tự lực, tự vươn lên của cá nhân từng thành viên trong hộ nghèo, không dựa dẫm, ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong việc thực hiện Chương trình và việc lồng ghép đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho các đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

*Thứ ba*, Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, tạo sinh kế để hỗ trợ người nghèo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

*Thứ tư*, Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện

những sai sót, bất cập để có sự điều chỉnh kịp thời hoặc có các biện pháp xử lý, chỉnh đốn thực hiện nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả của các chính sách hỗ trợ để phù hợp với thực tế.

*Thứ năm*, Ưu tiên, hỗ trợ nguồn vốn vay giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ người lao động là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính Phủ.

Cuối cùng kính chúc quý vị lãnh đạo và toàn thể đại biểu dự Hội nghị sức khỏe, hạnh phúc. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

***Xin trân trọng cảm ơn !***

**Đơn vị: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

## **BÀI THẢO LUẬN TẠI HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CỦA BAN DÂN TỘC**

**Chủ đề: Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số; gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.**

- *Kính thưa đồng chí .....*!
- *Kính thưa đồng chí .....*!
- *Kính thưa đồng chí .....*!
- *Kính thưa quý vị đại biểu! Thưa toàn thể Hội nghị!*

Thực hiện Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 184/ KH-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2025, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện các nội dung sau:

### **1. Về công tác triển khai**

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Công văn số 410/SVHTTDL-VH ngày 20/02/2022 về tổ chức triển khai các nội dung Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Công văn số 2020/SVHTTDL-DL ngày 07/07/2023 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 184/KHUBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh Bình Phước đến các đơn vị liên quan trong tỉnh.

### **2. Kết quả đạt được**

#### **- Về công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số**

Trong những năm vừa qua, toàn ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã kết hợp với các cơ quan chức năng của Trung ương, địa phương triển khai thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học về bảo tồn, phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số như: Tổng điều tra di sản văn hóa phi vật thể của người S’Tiêng; thực hiện Dự án “Ứng xử đối với môi trường tự nhiên của người S’Tiêng”; Dự án “Tổng điều tra di sản văn hóa phi vật thể của người Khmer”; Suu tầm phục vụ trưng bày nhà dài truyền thống tại di tích Bom Bo, huyện Bù Đăng; Suu tầm hiện vật về văn hóa truyền thống của người M’nông Bình Phước; Dự án “Phục dựng lễ hội lập làng mới của người S’Tiêng Bình Phước”. Dự án “Phục dựng lễ hội Phá Bàu của người Khmer Bình Phước”; Dự án “Phục dựng lễ hội Xuống đồng của người Khmer Bình Phước”; Dự án “Nghiên cứu, khảo sát và định dạng âm nhạc của người S’Tiêng

Bình Phước”; Dự án phục dựng Lễ hội kết bạn của cộng đồng người M’ông...

Đặc biệt, trong năm 2023, thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã triển khai tổ chức thành công Lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và truyền dạy về bảo tồn, phát huy kỹ thuật chế biến rượu cần truyền thống của người S’tiêng tỉnh Bình Phước, tổ chức phục dựng “Lễ hội mừng lúa mới của người S’Tiêng”. Hiện nay, Sở đang triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện dự án khảo sát, kiểm kê và tư liệu hóa di sản văn hóa công, chiêng của đồng bào dân tộc S’tiêng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

### **1. Về gắn với phát triển du lịch**

Song song với công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số và để gắn với phát triển du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong năm 2023 thực hiện theo Kế hoạch số 184/ KH-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã và đang thực hiện các nội dung sau: xây dựng mô hình du lịch nghỉ dưỡng theo phương pháp thảo dược của người đồng bào dân tộc M’ông và S’tiêng tại vùng đệm Vườn Quốc gia Bù Gia Mập; Tổ chức 03 lớp tập huấn “Nâng cao kiến thức về du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước”; Tặng 02 bộ đàn đá (phiên bản bộ Đàn đá Lộc Hòa – Bảo vật quốc gia) tại 02 điểm du lịch Phú Gia và điểm du lịch Thanh Tùng thuộc huyện Hớn Quản để phục vụ phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Xây dựng 04 chương trình (phim tư liệu) và phát sóng quảng bá về các điểm du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Và trong thời gian tiếp theo đến năm 2025, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tiếp tục phối hợp thực hiện công tác bảo tồn, phục dựng, phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục lễ hội truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phát triển các nghệ nhân; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế; bảo tồn và phát huy các không gian văn hóa, di tích văn hóa, lịch sử, cách mạng ; thực hiện các mô hình hoạt động trải nghiệm cùng sinh hoạt văn hóa cộng đồng người S’tiêng, M’ông tại các huyện.

Ngoài ra, ngành cũng đã chỉ đạo thường xuyên mở cửa đón tiếp khách tham quan, nghiên cứu các giá trị lịch sử, văn hoá dân tộc tại các bảo tàng, di tích của tỉnh với tổng lượng khách tham quan và tương tác tại Bảo tàng tỉnh là 10.430 lượt người/ năm; tại các di tích là 67.460 lượt người/ năm; tương tác qua nền tảng công nghệ số là 269.204 lượt/ năm.

### **2. Kiến nghị:**

Bình Phước hiện nay có 40 thành phần dân tộc thiểu số có những nét văn hóa đặc sắc riêng, góp phần hình thành các sản phẩm du lịch trải nghiệm, tìm hiểu

về lịch sử, văn hóa phong phú. Do đó công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh phải được quan tâm, chú trọng nên cần có sự chung tay, phối hợp của các ban, ngành đoàn thể các cấp để văn hóa các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát huy theo đúng giá trị của nó và không bị mai một.

**Đơn vị: Huyện Lộc Ninh**

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

**“Về thuận lợi, khó khăn, tồn tại, nguyên nhân trong triển khai thực hiện  
Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2023 trên địa bàn huyện;  
Kiến nghị, đề xuất các giải pháp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới”**

**Kính thưa:** .....

.....

### ***Thưa toàn thể Hội nghị!***

Được sự phân công của Ban tổ chức Hội nghị, thay mặt lãnh đạo huyện Lộc Ninh tôi xin trình bày báo cáo tham luận về nội dung “*Thuận lợi, khó khăn, tồn tại, nguyên nhân trong triển khai thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số (DTTS) năm 2023 trên địa bàn huyện; Kiến nghị, đề xuất các giải pháp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới*” như sau:

Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS là một Chương trình đặc thù của tỉnh Bình Phước được Tỉnh uỷ, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm triển khai thực hiện từ năm 2019 đến nay với mục tiêu hàng năm giảm tối thiểu 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh từ nhiều nguồn lực, bao gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn huy động đóng góp từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, trong đó tập trung đầu tư điện, đường, trường, trạm,... nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS.

Đối với huyện Lộc Ninh là một huyện miền núi, biên giới, nằm ở phía Bắc của tỉnh Bình Phước, có đường biên giới tiếp giáp với Vương quốc Campuchia dài 107,32 km. Diện tích tự nhiên 86,057km<sup>2</sup>; dân số 114.319 người. Đồng bào DTTS khoảng 24.840 người, chiếm 21,73% dân số toàn huyện, trong đó dân tộc S’tiêng và Khmer chiếm khoảng 80%. Huyện có 16 đơn vị hành chính, gồm 15 xã (07 xã biên giới, 8 xã nội địa) và 01 thị trấn với 131 khu dân cư (08 khu phố, 123 ấp). Huyện có 08 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025. Đồng bào DTTS chủ yếu sinh sống ở các xã, trong đó phần lớn cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Năm 2023 toàn huyện có 230 hộ nghèo, đến cuối năm 2023 đã giảm được 196 hộ (trong đó hộ nghèo DTTS giảm 125 hộ), đưa số hộ nghèo xuống còn 34 hộ (chiếm tỷ lệ 0,1% trên tổng số hộ dân); trong đó số hộ nghèo DTTS giảm còn 14 hộ (chiếm tỷ lệ 41,17% trên tổng số hộ nghèo); tỷ lệ giảm vượt chỉ tiêu tỉnh giao 0,02%. Số hộ cận nghèo của huyện hiện còn 422 hộ, chiếm tỷ lệ 1,27% trên tổng



số hộ dân; trong đó hộ cận nghèo DTTS là 227 hộ, chiếm tỷ lệ 54,69% trên tổng số hộ.

### ***Kính thưa quý toàn thể Hội nghị!***

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2023 trên địa bàn huyện, huyện Lộc Ninh đánh giá có những thuận lợi, khó khăn, tồn tại và nguyên nhân cụ thể như sau:

#### **1. Thuận lợi**

Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh; sự phối hợp hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Ban Dân tộc, Sở Lao động-TBXH và các sở, ngành liên quan cấp tỉnh; đặc biệt là sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu, sát của Huyện ủy và sự phối hợp tích cực của các cơ quan, ban, ngành huyện và UBND các xã từ đó việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS năm 2023 trên địa bàn huyện Lộc Ninh cơ bản đạt được kết quả đáng ghi nhận, đó là: Chương trình đã tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế trên địa bàn huyện ngày một phát triển; đời sống của hộ nghèo đồng bào DTTS ngày càng được cải thiện, không ngừng được nâng lên cả về vật chất, văn hoá, tinh thần, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống của người dân nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc ở địa phương; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS cơ bản ổn định; bản sắc văn hoá truyền thống được giữ gìn và phát huy; tỷ lệ hộ nghèo DTTS của huyện giảm liên tục qua các năm.

#### **2. Khó khăn, tồn tại và nguyên nhân**

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, bên cạnh những thuận lợi vẫn còn một số khó khăn, tồn tại nhất định, đó là:

- Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình quá chậm và dàn trải nhiều lần, nhất là từ khi tích hợp nguồn vốn giữa Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS & MN với Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS, đặc biệt nguồn đầu tư công được phân bổ để xây dựng nhà ở chỉ 06 triệu đồng/hộ nhưng vẫn phải lập hồ sơ thực hiện đầy đủ theo quy định về đầu tư công. Thủ tục để được hỗ trợ từ các nguồn vận động còn bất cập (kiểm tra, phúc tra nhiều cấp, nhiều lần; hồ sơ nhiều loại giấy tờ liên quan...).

- Cán bộ làm công tác dân tộc cấp xã hầu hết là người đồng bào DTTS, chủ yếu là không chuyên trách, công chức kiêm nhiệm và thường có sự thay đổi vị trí việc làm; mức phụ cấp còn thấp; một số cán bộ phụ trách công tác dân tộc cấp xã chưa phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành các ấp để cập nhật thông tin về họ tên, năm sinh, thành phần dân tộc, nhân hộ khẩu... của các hộ dân được thụ hưởng Chương trình; bên cạnh đó một số lãnh đạo cấp xã chưa thực sự sâu sát trong kiểm tra lập danh sách các hộ dân thụ hưởng, do đó có sự sai lệch dẫn đến phải điều chỉnh nhiều lần.

- Một số hộ dân có nhu cầu đăng ký giảm nghèo từ những năm trước nhưng chưa được hỗ trợ, để đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt, phát triển sản xuất,

kinh doanh của mình các hộ dân đã tự vay vốn để thực hiện. Đến khi có nguồn vốn phân bổ thì các hộ dân này không được thụ hưởng vì đã tự thực hiện (ví dụ như nhu cầu khoan giếng, kéo điện...), từ đó nguồn vốn thì không giải ngân hết mà người dân thì không được thụ hưởng, vẫn đang nợ vốn vay. Đặc biệt có một số hộ dân khi vừa có nguồn lực hỗ trợ thì đã chuyển đến sinh sống ở nơi khác.

- Ý thức tự vươn lên thoát nghèo của một số hộ nghèo DTTS chưa cao; các hộ nghèo DTTS hầu hết đều thiếu đất sản xuất phải đi làm thuê, việc làm không ổn định; trình độ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong phát triển sản xuất của một bộ phận hộ nghèo đồng bào DTTS còn hạn chế, từ đó sản phẩm làm ra chưa đảm bảo mẫu mã, chất lượng để cạnh tranh thị trường.

- Kết quả giảm nghèo trong vùng đồng bào DTTS chưa thực sự bền vững, một số hộ tuy đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập bình quân luôn tiệm cận với chuẩn nghèo dẫn đến nguy cơ tái nghèo là không tránh khỏi...

### **3. Đề xuất các giải pháp thực hiện trong thời gian tới**

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng; sự điều hành, chỉ đạo chính quyền địa phương; sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình ở địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh về Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS trên địa bàn tỉnh giúp người dân kịp thời nắm bắt để tích cực tham gia thực hiện Chương trình.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân nêu cao ý thức tự lực, tự cường trong phát triển sản xuất nhằm tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo, góp phần giảm nghèo bền vững ở địa phương.

- Chủ động các nguồn lực, nhất là nguồn vốn từ ngân sách địa phương và nguồn vốn huy động khác để hỗ trợ người dân tham gia thực hiện Chương trình.

- Tăng cường tập huấn chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất, kinh doanh cho người dân để áp dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm để cạnh tranh thị trường tiêu thụ giúp người dân ổn định nguồn thu nhập, thoát nghèo bền vững.

### **4. Kiến nghị**

Nhằm tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS trên địa bàn tỉnh nói chung, huyện Lộc Ninh có một số kiến nghị, đề xuất như sau:

- Kịp thời phân bổ nguồn vốn để triển khai thực hiện Chương trình đạt hiệu quả.

- Cần đơn giản hoá thủ tục hành chính trong hỗ trợ người dân được thụ hưởng Chương trình.

- Tăng thêm phụ cấp cho cán bộ làm công tác dân tộc cấp xã.

***Kính thưa toàn thể Hội nghị!***

Trên đây là báo cáo tham luận về “*Thuận lợi, khó khăn, tồn tại, nguyên nhân trong triển khai thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2023 trên địa bàn huyện; những kiến nghị, đề xuất các giải pháp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới*” của huyện Lộc Ninh.

Cuối cùng, xin kính chúc quý vị đại biểu mạnh khỏe, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Đơn vị: Huyện Bù Gia Mập**

**BÀI THAM LUẬN**

**Thuận lợi, khó khăn, tồn tại và nguyên nhân trong việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng DTTS&MN trên địa bàn huyện; đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới và kiến nghị**

**Kính thưa:**.....

.....  
.....

***Kính thưa quý vị đại biểu, quý vị khách quý.***

Về dự với Hội nghị hôm nay, tôi rất vinh dự được phát biểu tham luận “*Thuận lợi, khó khăn, tồn tại và nguyên nhân trong việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng DTTS&MN trên địa bàn huyện; đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới và kiến nghị*”. Lời đầu tiên cho phép tôi gửi tới các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu và toàn thể Hội nghị lời chúc sức khỏe, hạnh phúc, chúc Hội nghị chúng ta thành công tốt đẹp.

***Thưa các đồng chí!***

Bù Gia Mập là huyện miền núi, biên giới diện tích tự nhiên là 106.464 ha. Tổng dân số trên địa bàn huyện có 20.803 hộ với 81.366 khẩu. Trong đó đồng bào dân tộc thiểu số có 6.544 hộ, với 29.628 khẩu, chiếm khoảng 36,4% dân số của huyện; với 22 thành phần dân tộc, sống xen kẽ ở các xã, có 03 xã và 16 thôn đặc biệt khó khăn; 02 xã biên giới là Đăk Ô và Bù Gia Mập với đường biên giới dài hơn 64 km. Tổng số hộ nghèo toàn huyện có 834 hộ đến cuối năm 2023 còn lại là 440 hộ với 1.540 khẩu chiếm tỷ lệ 2,03%, trong đó hộ nghèo DTTS có 262 hộ với 1.009 khẩu chiếm tỷ lệ 59,5% số hộ nghèo toàn huyện.

Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn Ban Dân tộc tỉnh, các sở ngành liên quan và sự nỗ lực của UBND huyện, sự chung tay góp sức của các cấp, các ngành và địa phương, tình hình đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số không ngừng được cải thiện. Việc tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số như: Chương trình 33, 193, 755, 2085, Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng DTTS và miền núi, Chương trình giảm nghèo, Chương trình Nông thôn mới v.v... đã tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào dân tộc thiểu số trong sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình, từng bước ổn định cuộc sống. Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản ổn định.

***Kính thưa quý vị đại biểu:***

Căn cứ Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Công văn số 2999/UBND-KGVX ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung Kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2022; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh năm 2023.

Trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 11/10/2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn huyện, Kế hoạch số 189/KH-UBND huyện ngày 02/11/2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh năm 2022 và Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 27/2/2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh năm 2023 trên địa bàn huyện và các văn bản khác để chỉ đạo điều hành thực hiện Chương trình.

**A. Kết quả triển khai thực hiện:**

- Tổng vốn phân bổ thực hiện Chương trình (năm 2022 và năm 2023): **152.095,5** triệu đồng, trong đó:

+ Vốn Trung ương 132.847 triệu đồng (*vốn ĐTPT là 117.239 triệu đồng, vốn SN 15.608 triệu đồng*);

+ Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 13.021 triệu đồng (*vốn ĐTPT là 11.723 triệu đồng, vốn SN là 1.298 triệu đồng*);

+ Vốn đối ứng ngân sách huyện 6.227,5 triệu đồng (*vốn ĐTPT là 5.574 triệu đồng, vốn SN là 653,5 triệu đồng*)

- **Lũy kế giải ngân đến ngày 14/12/2023: 95.599,5** triệu đồng, đạt **63%** so với kế hoạch phân bổ vốn của huyện, trong đó:

+ Vốn Trung ương: 88.847 triệu đồng, đạt 67% kế hoạch (*vốn ĐTPT 85.901 triệu đồng, đạt 73%; vốn SN 2.946 triệu đồng, đạt 18%*);

+ Vốn đối ứng ngân sách tỉnh 4.292 triệu đồng, đạt 33% kế hoạch (*vốn ĐTPT 4.100 triệu đồng, đạt 35%; vốn SN 192 triệu đồng, đạt 14%*);

+ Vốn đối ứng ngân sách huyện: 2.460,5 triệu đồng, đạt 39% kế hoạch (*vốn ĐTPT 2.382 triệu đồng, đạt 42%; vốn SN 78,5 triệu đồng, đạt 11%*).

- Vay vốn tín dụng thực hiện Chương trình (năm 2022 và năm 2023): được phân bổ là **1.760** triệu đồng (*vốn trung ương*) đã thực hiện cho vay 44 hộ, với tổng số tiền là 1.760 triệu đồng, đạt 100%.

## 2.2. Tình hình thực hiện Chương trình năm 2022

- Tổng nguồn vốn được phân bổ **71.248** triệu đồng, trong đó:

+ Vốn Trung ương 62.290 triệu (*vốn ĐTPT là 59.191 triệu đồng, vốn SN 3.099 triệu đồng*).

+ Vốn đối ứng ngân sách tỉnh là 6.230 triệu đồng (*vốn ĐTPT là 5.919 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 311 triệu đồng*).

+ Vốn đối ứng ngân sách huyện 2.728 triệu đồng (*vốn ĐTPT là 2.573 triệu đồng, vốn SN là 155 triệu đồng*).

- Lũy kế giải ngân đến ngày 14/12/2023: **61.398** triệu đồng, đạt 86% so với kế hoạch vốn phân bổ, trong đó:

+ Vốn Trung ương 57.439 triệu đồng, đạt 92% kế hoạch (*vốn ĐTPT 56.576 triệu đồng, đạt 95,5%; vốn SN 863 triệu đồng, đạt 27%*);

+ Vốn đối ứng ngân sách tỉnh 2.201 triệu đồng, đạt 35% kế hoạch (*vốn ĐTPT 2.130 triệu đồng, đạt 35%; vốn SN 71 triệu đồng, đạt 22%*);

+ Vốn đối ứng ngân sách huyện 1.758 triệu đồng, đạt 63% kế hoạch (*vốn ĐTPT 1.726 triệu đồng, đạt 66%; vốn SN 32 triệu đồng, đạt 20%*).

- Vay vốn tín dụng Chương trình là 1.100 triệu đồng, đã cho vay 1.100 triệu đồng/27 hộ, đạt 100% kế hoạch giao:

+ Cho vay chuyển đổi nghề (chăn nuôi trâu) là 100 triệu đồng/2 hộ.

+ Cho vay xây nhà là 840 triệu đồng/26 hộ.

+ Cho vay sửa nhà là 160 triệu đồng/4 hộ.

## 2.3. Tình hình thực hiện Chương trình năm 2023

- Tổng nguồn vốn được phân bổ **80.847,5** triệu đồng, trong đó:

+ Vốn Trung ương 70.557 triệu đồng (*vốn ĐTPT là 58.048 triệu đồng, vốn SN 12.509 triệu đồng*).

+ Vốn đối ứng ngân sách tỉnh là 6.791 triệu đồng (*vốn ĐTPT là 5.804 triệu đồng, vốn SN là 987 triệu đồng*);

+ Vốn đối ứng ngân sách huyện 3.499,5 triệu đồng (*vốn ĐTPT là 3.001 triệu đồng, vốn SN là 498,5 triệu đồng*).

- Lũy kế giải ngân đến ngày 14/12/2023: **34.201,5** triệu đồng, đạt 42,5% so với kế hoạch vốn phân bổ, trong đó:

+ Vốn Trung ương 31.408 triệu đồng, đạt 44,8% kế hoạch (*vốn ĐTPT 29.325 triệu đồng, đạt 50 %; vốn SN 2.083 triệu đồng, đạt 16%*);

+ Vốn đối ứng ngân sách tỉnh 2.091 triệu đồng, đạt 30% kế hoạch (vốn ĐTPT: 1.970 triệu đồng đạt 34%, vốn SN 121 triệu đồng, đạt 12%);

+ Vốn đối ứng ngân sách huyện 702,5 triệu đồng, đạt 20% kế hoạch (Vốn ĐTPT 656 triệu đồng đạt 21%, vốn SN 46,5 triệu đồng, đạt 9%).

- Vay vốn tín dụng NHCSXH: được phân bổ là 660 triệu đồng, đã cho vay 660 triệu đồng/17 hộ, đạt 100% kế hoạch giao (vay hỗ trợ xây nhà).

**B. Năm 2023, huyện được giao chỉ tiêu giảm 316 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số. Tổng có 1.577 nhu cầu hỗ trợ, kinh phí thực hiện 38.101 triệu đồng.**

- Tính đến ngày 20/12/2023, UBND huyện phân bổ vốn **24.520,5/38.101** triệu đồng cho các đơn vị thực hiện (trong đó: 9.564,5 triệu đồng vốn tích hợp Chương trình 1719; 14.956 triệu đồng vốn Chương trình giảm 1.000 hộ DTTS tỉnh). Còn lại 13.580,5 triệu đồng tỉnh chưa phân bổ, (trong đó: vốn Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS tỉnh: 4.620,5 triệu đồng; nguồn vốn vận động quỹ “Vì người nghèo”: 8.960 triệu đồng).

- Lũy kế giải ngân đến ngày **14/12/2023**: 5.880,2/14.956 triệu đồng, **đạt 39%** nguồn vốn được phân bổ.

***Kính thưa hội nghị!***

*\* Về thuận lợi trong quá trình thực hiện Chương trình:*

- Được sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của UBND tỉnh và các sở, ngành có liên quan, hàng tuần, tháng tỉnh đều tổ chức họp trực tuyến để chỉ đạo triển khai, tháo gỡ khó khăn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác triển khai thực hiện được thuận lợi.

- Việc phân khai giao vốn của Trung ương, tỉnh chậm; các bộ ngành ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình chậm, nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo, đôn đốc các ngành, phối hợp với các địa phương thực hiện tốt việc chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn. Đến nay, UBND huyện đã phân bổ vốn cho các địa phương, đồng thời ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình năm 2022 và năm 2023. Các địa phương chủ động rà soát các danh mục đầu tư để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; đang triển khai các bước hồ sơ thủ tục để giải ngân vốn theo quy định.

- Nguồn lực thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, tỉnh; huyện cũng chủ động bố trí ngân sách đối ứng đảm bảo theo tỷ lệ quy định.

- Nguồn vốn Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng được nhu cầu cấp thiết trong việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS nên được nhân dân đồng tình ủng hộ; các cơ quan, ban, ngành triển khai thực hiện đồng bộ, tích cực.

**\* *Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một khó khăn, tồn tại.***

**\* Đối với Chương trình phát triển kinh tế xã hội DTTS và Miền núi.**

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi là chương trình mới, bước đầu triển khai thực hiện ở địa phương cũng gặp nhiều khó khăn.

- Nguồn vốn năm 2022, phân bổ vào cuối năm và kéo dài thực hiện vào năm 2023, huyện phải triển khai nhiệm vụ năm 2023 nên áp lực giải ngân rất lớn.

- Việc phân cấp cho UBND cấp xã làm chủ đầu tư một số dự án trong những năm đầu triển khai còn gặp khó khăn trong thực hiện các bước lập, thẩm định, quyết định phê duyệt dự án. Một số xã chưa chủ động trong việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn; chưa quan tâm đến việc tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia đóng góp để triển khai Chương trình, dự án...

- Tiến độ triển khai các tiểu dự án còn chậm, do văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền chưa kịp thời, một số dự án đến giữa năm 2023 mới có văn bản hướng dẫn bộ ngành Trung ương, tỉnh nên trong khi đó việc thực hiện một nội dung, dự án đòi hỏi đảm bảo đúng trình tự thủ tục, thời gian theo quy định, nhất là vốn đầu tư công dẫn đến việc triển khai chậm, trong khi đó áp lực giải ngân dồn vào cuối năm càng tăng.

- Nguồn vốn triển khai thực hiện Chương trình định mức hỗ trợ một số hợp phần dự án thấp nên triển khai gặp khó khăn; vốn chương trình phân bổ chậm nên một số địa phương để đảm bảo các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo hàng năm nên đã thực hiện hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chương trình từ nguồn vốn các chương trình khác làm ảnh hưởng đến kết quả giải ngân chung Chương trình.

- Việc triển khai tích hợp nguồn vốn thực hiện chương trình giảm 1.000 hộ nghèo, trong khi đó nguồn lực phân bổ cho Chương trình giảm nghèo chưa kịp thời và đảm bảo thực hiện khác nhu cầu thoát nghèo của hộ dân dẫn đến việc giải ngân chậm ảnh hưởng chung đến giải ngân của Chương trình 1719.

- Việc huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các dự án, tiểu dự án trên địa bàn vùng DTTS là rất khó khăn; việc đóng góp của người dân, cộng đồng cũng rất hạn chế để triển khai thực hiện Chương trình.

- Bên cạnh đó, từ khi xây dựng chương trình đến khi triển khai thì một số xã đã về đích Nông thôn mới nên triển khai cũng gặp khó khăn. Việc triển khai một số nội dung, nhất là nội dung, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng chủ yếu tập trung vào thôn xã đặc biệt khó khăn nhưng các xã này đa phần thôn ấp nằm trên diện tích đất thuộc đất lâm phần nên việc thực nội dung dự án đầu cơ sở hạ tầng, công trình thiết yếu phục vụ đời sống vùng này khó thực hiện vì thuộc đất lâm phần chưa giao về địa phương quản lý, dẫn đến ảnh hưởng việc triển khai thực hiện chương trình.

**\* Đối với chương trình giảm 1.000 hộ nghèo:**



Chương trình giảm 316 hộ nghèo DTTS trên địa bàn huyện gặp nhiều khó khăn do nguồn kinh phí thực hiện tinh phân bổ chậm, phân bổ không đủ nguồn, một số nội dung như đất ở, nước sinh hoạt bị tinh cắt giảm (đất ở 10 hộ, Khoang giếng 85 cái, bồn nước 208 cái) theo Kế hoạch 370 thay thế kế hoạch 131 trong khi đó huyện đã giao các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện.

**Nguyên nhân:**

- Một số văn bản ban hành hướng dẫn thực hiện các chính sách chưa sát với tình hình thực tế ở cơ sở và chưa được cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của địa phương.

- Việc rà soát đăng ký nhu cầu một số đơn vị và UBND các xã chưa thực sự sát với thực tế địa phương dẫn đến khi triển khai gặp lúng túng.

- Một số cơ quan đơn vị, UBND các xã chưa chủ động nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn để thực hiện các nội dung được giao dẫn đến việc triển khai phải đôn đốc nhiều lần.

- Nguồn vốn triển khai thực hiện Chương trình định mức hỗ trợ còn chông một số nội dung thực hiện, vốn ít nhưng đầu tư còn dàn trải nên khi triển khai gặp nhiều khó khăn;

**Kính thưa quý vị đại biểu:**

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được và khắc phục khó khăn, tồn tại để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác dân tộc trong năm 2024, UBND huyện Bù Gia Mập đề ra một số giải pháp trọng tâm trong thời gian tới như sau:

- Tiếp tục tham mưu cấp ủy Đảng, chỉ đạo cả hệ thống chính trị đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động người dân khơi dậy ý chí tự lực, tự cường dân tộc và trong cộng đồng dân cư, từ sự hỗ trợ của Nhà nước tham gia tích cực chương trình, phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, Đảng viên và đồng bào dân tộc thiểu số về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, Ban giám sát cộng đồng trong việc tham gia giám sát việc triển khai các nội dung, dự án hợp phần Chương phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã thường xuyên cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, chủ động các điều kiện cần thiết của địa phương để triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo các quy định.

- Chỉ đạo các đơn vị, chủ đầu tư rà soát các nhiệm vụ được giao, tập trung khẩn trương lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các công trình khởi công mới đảm bảo tiến độ thực hiện.

- Đối với các dự án, công trình chuyển tiếp, yêu cầu các đơn vị được giao làm chủ đầu tư đôn đốc nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện, những dự

án có khối lượng khẩn trương hoàn thiện hồ sơ làm thủ tục thanh toán ngay với kho bạc nhà nước, tránh để dồn vốn vào cuối năm mới thanh toán.

- Chỉ đạo các đơn vị được giao làm chủ đầu tư thực hiện các nhiệm vụ được giao đầy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đảm bảo theo quy định.

### Về kiến nghị:

- **Đối với đất lâm phần 03 loại rừng:** Tại Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 UBND huyện đã ban hành Quyết định công bố hiện trạng rừng huyện Bù Gia Mập năm 2022 với tổng diện tích là 49.544,54 ha (**trong đó: đất rừng đặc dụng: 25.593,79ha, đất rừng phòng hộ 11.448,87ha, đất rừng sản xuất 12.501,88ha**). UBND huyện đã có báo cáo số 74/BC-UBND ngày 9/5/2022 về việc đề xuất điều chỉnh quy hoạch đất lâm phần giai đoạn 2021- 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với Tổng diện tích đất rừng sản xuất đề nghị điều chỉnh là: 13.401,74ha

#### **Trong đó:**

**Ưu tiên 1:** 6.011,74ha ( gồm có: Dự án của tỉnh là 1.141,74ha; Dự án của huyện 580ha; Các khu dân cư hiện hữu 3.640; dọc các tuyến đường ĐT (ĐT 741, ĐT 760) là 650ha.

**Ưu tiên 2:** 7.390 (gồm có: các khu dân cư hiện hữu 550ha; Đất khác 6.840ha.

#### **Lý do đề nghị tách ra khỏi lâm phần, giao về cho địa phương quản lý.**

Do người dân sinh sống ổn định từ rất lâu, có những hộ đồng bào dân tộc thiểu số đã sinh sống từ trước khi giải phóng; đã hình thành nhiều khu dân cư ổn định và phát triển, lập nên các thôn ấp và có địa giới hành chính, các tuyến đường ĐT đi qua (ĐT 741, ĐT 760); nhu cầu của người dân được cấp GCNQSD đất là rất lớn (như: xã Phú Văn hơn 70% diện tích đất còn trong lâm phần..), nhằm tạo nguồn vốn để phát triển kinh tế; nhằm để phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, ảnh hưởng rất lớn tới việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tại đại phương; tạo nguồn thu ngân sách nhà nước, đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội; tạo điều kiện để các doanh nghiệp và nhà đầu tư; giải quyết tình trạng thừa kiện kéo dài đối với các trường hợp đã cấp giấy CNQSD đất trước đây (cấp trùng lên đất lâm phần).

Vì vậy kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài Nguyên và Môi trường quan tâm, xem xét đề nghị Chính phủ sớm giao về cho địa phương quản lý hoặc cho một cơ chế đặc thù để huyện có cơ sở triển khai có hiệu quả các nhu cầu đã đăng ký thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội DTTS và Miền núi trên địa bàn huyện đảm bảo đem lại phúc lợi cho nhân dân, đảm bảo cân bằng phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng vùng biên giới.

- **Đối với Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:**

+ Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thực hiện “Mô hình HTX sản xuất điều hữu cơ, điều sạch” nguồn vốn được phân bổ năm 2022 kéo dài thực hiện sang năm 2023. Hiện nay, chưa triển khai thực hiện, đề nghị Ban Dân

tộc tham mưu cấp có thẩm quyền sớm có văn bản theo tinh thần Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**- Đối với Chương trình giảm 316 hộ nghèo DTTS thuộc Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo.**

Theo Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh (*thay thế Kế hoạch 131/KH-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh*) về Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2023 thì có một số nhu cầu của huyện không được tổng hợp, bố trí nguồn vốn để triển khai thực hiện, trong khi đó huyện đã thực hiện gần hoàn thành và đã cho các đơn vị thi công ứng nguồn vốn, vật liệu để thi công như: Hỗ trợ đất ở, nước sinh hoạt (Khoan giếng, bồn đựng nước) cho các hộ thuộc Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số.

Do đó, UBND huyện Bù Gia Mập đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành cơ liên quan và Ban Dân tộc tỉnh xem xét tham mưu sớm bổ sung nhu cầu tỉnh còn thiếu, sót theo nội dung Công văn số 17/UBND-DT ngày 08/01/2024 của UBND huyện.

*Nhân dịp đầu năm mới Giáp Thìn 2024, một lần nữa thay mặt lãnh đạo Huyện ủy, UBND huyện kính chúc toàn thể quý vị đại biểu có mặt trong hội nghị hôm nay năm mới dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống.*

**Xin cảm ơn!**

**Đơn vị: Huyện Bù Đăng**

**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**Về kết quả thực hiện các biện pháp ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng dân tộc thiểu số từ năm 2018 đến năm 2023 trên địa bàn huyện Bù Đăng**

Kính thưa .....

Được sự phân công của Ban tổ chức, tôi xin được tham gia trao đổi tại Hội nghị về nội dung **“kết quả thực hiện các biện pháp ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng dân tộc thiểu số từ năm 2018 đến năm 2023 trên địa bàn huyện Bù Đăng”**

*Kính thưa toàn thể quý Hội thảo!*

Lời đầu tiên, thay mặt cho UBND huyện Bù Đăng, xin gửi tới các đồng chí lãnh đạo Đảng, các đồng chí lãnh đạo Chính quyền, các vị khách quý cùng toàn thể quý vị có mặt tại Hội thảo ngày hôm nay lời chào trân trọng, lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

*Kính thưa quý Hội thảo!*

Bù Đăng là huyện vùng sâu, vùng xa của tỉnh Bình Phước, Nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Bình Phước, huyện Bù Đăng có 16 đơn vị hành chính gồm: 01 thị trấn và 15 xã với diện tích tự nhiên 1.501 km<sup>2</sup>, dân số gần 146.022 người, gồm 31 dân tộc cùng sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số có hơn 57.931 khẩu (chiếm 40,4% dân số toàn huyện), trong đó người dân tộc X'Tiêng, Tày, Nùng, M'Nông, chiếm tỉ lệ cao (dân tộc X'Tiêng: 18.487; Tày: 13.464; Nùng: 10.958; M'Nông: 9.530; Châu mạ: 450), dân tộc tại chỗ là người X'tiêng, M'nông, Châu Mạ.. bên cạnh đó còn các dân tộc khác như: Tày, Nùng, Dao, Hoa....

Những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ, chính quyền và sự chung sức, đồng lòng của người dân nói chung và đồng bào DTTS nói riêng đã góp phần giúp cho đời sống của nhân dân huyện Bù Đăng ngày càng nâng cao, kinh tế ngày càng phát triển, tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội của huyện nhà ngày càng ổn định.

Thực hiện Chỉ thị số 07/2017/CT-UBND ngày 03/07/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc “Tăng cường các biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Bình Phước”; Công văn số 2001/UBND-KGVX ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý, ngăn chặn

tình trạng vay lãi nặng, lừa đảo cầm cố đất, bán đất vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh.

UBND huyện Bù Đăng đã ban hành Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 14/08/2017 và Công văn số 1171/UBND-DT ngày 25/6/2021 về việc tăng cường các biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, sang nhượng đất trong vùng DTTS trên địa bàn huyện Bù Đăng và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với UBND các xã, thị trấn triển khai nghiêm túc thực hiện.

Theo định kỳ hàng năm đều tổ chức sơ kết 06 tháng và tổng kết cuối năm nhằm đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị 07/2017/CT-UBND tỉnh trên địa bàn huyện.

## **II. Kết quả đạt được**

### ***1. Các hoạt động quản lý Nhà nước trên địa bàn***

Việc mua bán điều non, cho vay lãi suất cao và sang nhượng đất là quan hệ về dân sự bình thường trong đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, các giao dịch này những đối tượng có biểu hiện lợi dụng sự thiếu hiểu biết của đồng bào DTTS về pháp luật và thông tin thị trường để dụ dỗ, lừa đảo, ép giá, dẫn đến đồng bào không trả được thì siết đất, khiến bà con không còn đất sản xuất, đời sống khó khăn, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn về an ninh trật tự trong vùng đồng bào DTTS của địa phương. Đây là một trong những thực tế đã và đang diễn ra trên địa bàn huyện rất phức tạp.

UBND huyện đã chỉ đạo các ngành phối hợp với UBND các xã, thị trấn triển khai tổ chức nắm tình hình, rà soát, thống kê về tình hình, thực trạng bán điều non, vay lãi nặng, cầm cố đất, bán đất trong vùng đồng bào DTTS; rà soát lập danh sách số đối tượng mua điều non, cho vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất trong vùng đồng bào DTTS trên địa bàn huyện; triển khai các biện pháp nghiệp vụ đấu tranh, ngăn chặn với các hoạt động cho vay lãi nặng, cầm cố đất và các thủ đoạn lừa đảo người DTTS trên địa bàn huyện; thường xuyên tăng cường công tác tranh thủ, tiếp xúc người có uy tín trong dân tộc, chức sắc chức việc trong các tôn giáo để tác động, vận động họ tuyên truyền, vận động số tín đồ là người DTTS hiểu được tác hại của việc bán điều non, vay nặng lãi, cầm cố đất, bán đất.

Xuất phát từ nguyên nhân do bà con chưa biết tính toán làm ăn kinh tế, khó khăn đột xuất do bệnh tật... Lợi dụng điều này, các đối tượng xấu đã tiếp cận, tìm cách dụ dỗ và nhiều hộ đã bán tài sản là vườn, rẫy với giá rẻ và trong thời gian dài. Không ít trường hợp bán điều non, bán rẫy để mua xe hơi, xây nhà, mua sắm, qua thời gian trở thành tiêu sản mất giá trị...

Song, trên thực tế có thể nhiều hơn, bởi đối tượng mua dụ dỗ đồng bào rất kín đáo, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Từ khi có dịch vụ công chứng tư, người dân ít đến UBND xã công chứng giấy tờ, chỉ khi bị “sập bẫy” mới cậy nhờ đến chính quyền giúp đỡ. Do đó, ngoài việc tăng cường tuyên truyền đến người dân hiểu về tác hại của việc bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất...dẫn đến

mất đất sản xuất, nợ nần phải đi làm thuê, làm mướn để bà con cảnh giác, tỉnh táo trước mọi thủ đoạn lừa đảo của kẻ xấu.

## **2. Công tác tuyên truyền**

Từ việc nắm tình hình nêu trên, trong những năm qua ở cơ sở đã phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể, Già làng và người có uy tín trong cộng đồng, tuyên truyền cho đồng bào DTTS giữ đất, giữ vườn để phát triển sản xuất, đặc biệt là các đoàn viên, hội viên trong các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ... đã xây dựng Kế hoạch tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật trên đại bàn các xã, thị trấn và lồng ghép nội dung tuyên truyền về tăng cường biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thông báo cho người dân cảnh giác với các thủ đoạn của đối tượng lợi dụng sự thiếu hiểu biết về pháp luật của một bộ phận người dân nói chung, đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng để trục lợi, như: cho vay nặng lãi, cầm cố đất, giúp đỡ làm hồ sơ vay tiền nhưng khi ký giấy tờ thì lại là giấy sang nhượng quyền sử dụng đất... Vận động các tầng lớp nhân dân cùng với ngành chức năng tăng cường công tác giám sát, kịp thời tố giác những đối tượng lợi dụng, dụ dỗ người dân cầm cố đất, bán điều non, vay tiền với lãi suất cao...

Bên cạnh đó, Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn căn cứ Kế hoạch của UBND huyện triển khai cho các ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền, vận động cho bà con đồng bào dân tộc hiểu tác hại của việc bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất, bằng các hình thức tuyên truyền, vận động một cách trực tiếp đến bà con thông qua các cuộc họp, gặp mặt các già làng, trưởng thôn nên công tác tuyên truyền đạt hiệu quả hơn.

## **3. Thực trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng DTTS**

Trong những năm qua, UBND huyện đã chỉ đạo Công an huyện thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn tiến hành rà soát, thống kê về tình hình thực trạng bán điều non, vay lãi nặng, cầm cố đất, bán đất trong vùng DTTS trên địa bàn huyện, cụ thể:

a. *Đối với tình hình mua, bán điều non:* Trong năm 2018 có 242 lượt hộ bán với 654.4ha điều non, tổng số tiền 25.674.000.000 đồng; năm 2019 có 358 lượt hộ bán với 741ha điều non, tổng số tiền 36.252.500.000 đồng; năm 2020 có 307 lượt hộ bán với 705.5ha điều non, tổng số tiền 35.089.000.000 đồng; năm 2021 & 2022 có 157 lượt hộ bán với tổng diện tích 348,8 ha, tổng số tiền là 9.880.000.000 ; năm 2023 có 30 lượt hộ bán điều non có thời gian bán trong khoảng từ 01 năm đến 18 năm.

b. *Đối với tình hình cho vay lãi suất cao:* Qua rà soát từ năm 2018 đến năm 2023 có 33 lượt hộ vay lãi suất cao với tổng số tiền gốc khoảng 1.669.000.000 đồng (lãi suất 2.5% đến 5%/tháng); năm 2023 chưa phát hiện. Qua năm tình hình

số liệu tiền gốc không dao động lớn, mà tập trung chủ yếu số tiền lãi hàng tháng các hộ phải trả.

*c. Đối với tình hình cầm cố, thế chấp, sang nhượng, mua bán đất:*

- Tình hình cầm cố, thế chấp đất: Trong năm 2018 có 14 hộ cầm cố, thế chấp 32.5ha đất với tổng số tiền 1.420.000.000 đồng, thời gian cầm cố, thế chấp đất khoảng từ 01 năm đến 12 năm; năm 2019 có 19 hộ cầm cố, thế chấp 16ha đất với tổng số tiền 300.000.000 đồng, thời gian cầm cố, thế chấp đất từ 01 đến 02 năm và khi nào trả tiền thì trả đất; năm 2020 có 19 hộ cầm cố, thế chấp 22.5ha đất với tổng số tiền 300.000.000 đồng, thời gian cầm cố, thế chấp đất từ 01 đến 02 năm. Năm 2021-2023 có 01 hộ cầm cố đất ở (xã Đak Nhou- năm 2022) với tổng số tiền 50.000.000 đồng; 05 hộ sang nhượng QSDĐ, diện tích 1,9ha đất rẫy và 15m đất ở ( xã Đak Nhou - năm 2023) với tổng số tiền 1.930.000.000 đồng. Qua năm tình hình, nhìn chung cũng giống như tình hình hình cho vay lãi suất cao số tiền gốc không giao động lớn, mà chủ yếu là số tiền lãi hàng tháng, năm các hộ phải trả và khả năng nếu các hộ không có khả năng chi trả thì phải chấp nhận sang nhượng đất cho người cho vay cầm cố, thế chấp.

- Đối với tình hình sang nhượng, mua bán đất: Trong năm 2018 có 26 hộ sang nhượng, mua bán 46.42ha đất với tổng số tiền giao dịch 6.008.000.000 đồng; từ năm 2019, 2020 qua rà soát có 10 hộ sang nhượng, mua bán 13.1ha đất với tổng số tiền giao dịch 2.985.000.000 đồng; năm 2021- 2023 có 12 hộ sang nhượng, mua bán với diện tích 15,9ha đất, tổng số tiền giao dịch 17.520.000.000 đồng. Qua năm tình hình được biết các hoạt động sang nhượng, mua bán đất này đều bắt đầu từ hợp đồng giấy tay, sau đó đến thời điểm thích hợp thì sang nhượng, mua bán theo thủ tục pháp lý và hoạt động sang nhượng, mua bán đất này mang hệ lụy chủ yếu từ việc vay lãi suất cao, cầm cố, thế chấp đất.

#### **4. Kết quả xử lý vụ việc**

Năm 2018, đã giải quyết 02 đơn tố cáo của ông Điều Đơ, ông Điều Văn Dinh liên quan đến lừa đảo cho vay tiền rồi sang sổ đất. UBND huyện đã chỉ đạo cho Công an huyện phối hợp với các đơn vị có liên quan xác minh trả lời không khởi tố và chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân huyện. Năm 2020, một số hộ dân gồm ông Điều Bôn, ông Điều Ké, ông Điều Nghin, ông Điều Ninh cùng ngụ tại thôn 9, xã Đức Liễu đứng đơn tố cáo bà Thị Cho ngụ tại thôn 9, xã Đức Liễu lợi dụng việc làm tổ trưởng tổ thu hồi vốn của ngân hàng chính sách xã hội vận động số hộ dân trên đóng tiền đảo sổ vay vốn để chiếm đoạt tiền của số hộ trên, mượn sổ đất đi cầm cố, giả chữ ký của ông Điều Bôn để đi vay tiền. UBND huyện đã chỉ đạo cho Công an huyện phối hợp với các đơn vị có liên quan và Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã tuyên án đối tượng 05 năm tù với tội danh lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Riêng đối với số đối tượng cho vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất thường biến tướng dưới nhiều hình thức như viết giấy tay không viết lãi suất vay nên khó xác định để xử lý, đa số giấy tờ, chứng từ vay mượn đều do chủ nợ giữ, người vay, cầm

có, bị xiết nợ thiếu công tác, không tố giác nên khó thu thập dẫn đến công tác điều tra, xác minh, xử lý khó khăn. Do vậy, UBND chỉ đạo Công an huyện phối hợp với các ngành và UBND các xã, thị trấn tiếp tục rà soát, xác minh, thu thập chứng cứ về hành vi cho vay lãi nặng, lừa đảo mua đất, siết đất của đồng bào hoặc môi giới bán điều non trong vùng DTTS của số đối tượng cho vay lãi nặng, xiết đất của đồng bào, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm sẽ tham mưu biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

## **2. Nguyên nhân**

- Xuất phát từ cuộc sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện (nhất là người X'tiêng, M'ngông, Châu Mạ...) còn khó khăn, cần tiền để sinh hoạt hàng ngày, nhất là khi gia đình gặp chuyện không may như tai nạn, bệnh tật nên bà con buộc phải bán điều non, vay tiền với lãi suất cao, dẫn đến phải cầm cố, sang nhượng đất, một bộ phận người có tiền cho vay lợi dụng khi không có tiền trả nợ thì phát mãi hoặc buộc phải bán đất. Một bộ phận người đồng bào DTTS nhận thức, hiểu biết còn hạn chế, thụ động đầu tư trong việc phát triển kinh tế; không biết tích lũy, không biết áp dụng khoa học vào sản xuất từ đó năng suất, thu nhập từ các loại cây trồng, vật nuôi thấp dẫn đến đời sống kinh tế còn gặp nhiều khó khăn.

- Phần lớn người đồng bào DTTS hiện nay trên địa bàn huyện vẫn còn duy trì phong tục tập quán như cưới hỏi trả của, trả nợ mang giá trị vật chất lớn dẫn đến việc đáp ứng nguồn tự có không đủ phải vay, mượn,...; một số hộ có cá nhân lười lao động, bị ảnh hưởng bởi sự tiêu cực của lối sống hiện đại thích ăn chơi, đua đòi, thể hiện...mua sắm hoang phí (như xe máy, ô tô) không xác định rõ ràng được giữa lợi ích mang lại và hậu quả về kinh tế về sau phải gánh chịu.

- Không có chế tài xử lý đối với hành vi sang nhượng đất ở, đất sản xuất không thuộc Nhà nước hỗ trợ từ các chương trình chính sách dân tộc.

- Một số đối tượng cho vay nặng lãi, môi giới bán điều non, buôn bán đất lợi dụng sự thiếu hiểu biết, khó khăn trong đời sống của bà con người đồng bào DTTS các đối tượng là người cho vay và loại đối tượng tội phạm “cho vay lãi nặng” chào mời về thủ tục đơn giản và nhận tiền ngay, trong khi đó người dân không rõ, hệ thống được số tiền lãi phải chi trả rất lớn sau này. Đến thời hạn phải trả nhưng người vay lại không đủ khả năng chi trả, các đối tượng lại cho vay nhưng số tiền vay cộng dồn tăng theo gốc + lãi, sau đó đến giai đoạn phải trả người vay lại không đủ số tiền trả, thời điểm này các đối tượng sử dụng thủ đoạn cầm cố, thuế chấp đất. Tiếp đến thời điểm các đối tượng thực hiện siết nợ người vay, nếu giá trị của tài sản cầm cố, thuế chấp không đủ giá trị tiền thu thì người vay phải sang nhượng cho người cho vay và các đối tượng tội phạm “cho vay lãi nặng”, đồng thời người vay lại tiếp tục bị ghi thêm nợ. Đến thời điểm cuối cùng người vay vừa mất diện tích đất cầm cố, thuế chấp vừa bị các đối tượng ghi thêm nợ.

## **3. Giải pháp**



- Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc trong đó có quản lý về đất đai, kinh tế đời sống nhân dân. Đặc biệt chú trọng những vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số về tác hại của việc bán điều non, cầm cố đất sản xuất và vay tiền với lãi suất cao trong thời gian dài; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn tình trạng xúi dục, dụ dỗ, kích thích lối sống thực dụng, cho vay nặng lãi; ép buộc bán vườn điều, bán đất sản xuất và đất ở để trừ nợ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng, các hành vi môi giới, cho vay nặng lãi, ép buộc sang nhượng đất sản xuất, đất ở, nhà ở làm ảnh hưởng đến đời sống và an ninh trật tự trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự thì lập thủ tục, thực hiện trình tự truy tố trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Để góp phần đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố, sang nhượng đất trong vùng dân tộc thiểu số, UBND huyện đề ra giải pháp sau:

- Đẩy mạnh và phát huy vai trò của Già làng và Người có uy tín trong cộng đồng. Đổi mới phương thức hoạt động, đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS hiểu được tác hại của việc bán điều non, vay lãi suất cao, cầm cố đất, sang nhượng đất; nâng cao ý thức trong việc sản xuất, tiêu dùng, đẩy mạnh các phong trào quần chúng, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, đấu tranh chống tiêu cực, lối sống thực dụng, nhất là thanh thiếu niên; tích cực vận động đồng bào bài trừ các hủ tục lạc hậu, gây tốn kém, lãng phí tiền của. Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị tham gia công tác tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, Đài Truyền thanh xã, thị trấn phải thường xuyên đưa tin, nêu rõ danh tính những đối tượng cho vay nặng lãi, mua điều non, cầm cố, sang nhượng đất của đồng bào DTTS để tạo áp lực dư luận, nhằm răn đe, đồng thời để đồng bào cảnh giác đối với các hiện tượng tiêu cực này.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cho nhân dân biết về hậu quả của việc bán điều non, vay lãi suất cao, cầm cố đất, sang nhượng đất, về các thủ đoạn của một số đối tượng chuyên cho vay nặng lãi, môi giới bán điều non để bà con cảnh giác. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin đến các hộ đồng bào dân tộc thiểu số các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động cho vay và các địa chỉ giải quyết cho vay vốn để bà con dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn. Tuyên truyền giáo dục pháp luật, kiến thức khoa học kỹ thuật để nhân dân nâng cao trình độ hiểu biết, phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống.

- Các phòng chức năng, UBND xã, thị trấn phối hợp với Ban Dân vận Huyện ủy, Ủy ban MTTQVN huyện, các đoàn thể nhân dân, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động đồng bào giữ nhà, giữ đất để canh tác lâu dài, không để kẻ

xấu xí dục, lợi dụng; đồng thời quan tâm tạo điều kiện để các hộ được thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội, vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội để phát triển sản xuất, ổn định đời sống, vươn lên thoát nghèo.

- Ngành Công an tăng cường nắm bắt tình hình về các đối tượng cho vay nặng lãi, ép đồng bào sang nhượng đất để có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời, nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự thì lập hồ sơ, thực hiện trình tự truy tố trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo an ninh nông thôn, góp phần phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào DTTS.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, chính sách dân tộc, chính sách an sinh xã hội trong đồng bào DTTS.

*Thưa quý vị đại biểu, thưa các đồng chí!*

Trên đây là bài tham luận về ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng dân tộc thiểu số từ năm 2018 đến năm 2023 trên địa bàn huyện Bù Đăng.

Phần trình bày của tôi đến đây là kết thúc.

Cuối cùng, xin chúc toàn thể quý vị đại biểu và các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

**Đơn vị: UBND Huyện Hớn Quản**

## **THAM LUẬN**

**Đánh giá kết quả triển khai thực hiện công tác phát huy vai trò của già làng tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.**

---

*Kính thưa quý vị đại biểu!*

*Kính thưa toàn thể Hội nghị!*

Được sự cho phép của Ban tổ chức Hội nghị thay mặt UBND huyện Hớn Quản tôi xin trình bày tham luận “*Đánh giá kết quả triển khai thực hiện công tác phát huy vai trò của già làng tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới*”

*Kính thưa hội nghị!*

### **1. Khái quát chung**

Huyện Hớn Quản được tái lập, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/11/2009. Diện tích tự nhiên 66, 3793 km<sup>2</sup>, Dân số toàn huyện hơn 118.000 người, đồng bào Dân tộc thiểu số ( DTTS) chiếm 21% dân số toàn huyện, với 13 thành phần dân tộc. Huyện có 13 đơn vị hành chính cấp xã ( 12 xã, 01 thị trấn), 102 ấp trong đó có 77 ấp, sóc có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Đầu năm 2023 số hộ nghèo của toàn huyện là 353 hộ (trong đó có 220 hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm 62,32% trên tổng số hộ nghèo). Số hộ cận nghèo là 202 hộ (trong đó số hộ cận nghèo DTTS là 126 hộ chiếm 62,37% trên tổng số hộ cận nghèo).

### **2. Thực trạng đội ngũ già làng, người có uy tín trên địa bàn huyện**

Những năm qua, được sự chăm lo của Đảng và Nhà nước, sự quan tâm giúp đỡ của các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh, huyện Hớn Quản luôn giành nguồn lực đầu tư hỗ trợ cho vùng đồng bào DTTS, qua đó diện mạo vùng đồng bào DTTS đã dần được chuyển biến, kết cấu hạ tầng được tăng cường đầu tư xây dựng, đời sống vật chất và tinh thần của bà con nhân dân đồng bào được cải thiện rõ rệt, an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS được đảm bảo, khối đại đoàn các dân tộc được giữ vững.

Huyện Hớn Quản hiện có 14 già làng 47 người có uy tín trong đồng bào DTTS, thuộc 04 Dân tộc, trong đó: 56 dân tộc S'tiêng, 02 Dân tộc Tày, 01 Dân tộc Thái; 02 Dân tộc kh'mer; có 01 nữ là Dân tộc S'tiêng. Những năm qua, già làng,

người có uy tín đã có nhiều đóng góp tích cực trong xây dựng và phát triển kinh tế - Xã hội tại địa phương, góp phần giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS. Đội ngũ già Làng, người có uy tín là cánh tay nối dài của Đảng, chính quyền và nhân dân trên mỗi lĩnh vực, là nhân tố tích cực chủ đạo trong công tác tuyên truyền và vận động đồng bào DTTS tham gia vào các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS như: Xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới... giữ vững và ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS

Bằng uy tín, bằng tiếng nói, những người già làng tiêu biểu và người uy tín đã có những đóng góp tích cực trong tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đến người dân, đi đầu và vận động các đồng bào dân tộc phát huy tinh thần tự lực, tự cường, phát huy thế mạnh của địa phương để phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo; thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - Xã hội.

### **3. Kết quả phát huy vai trò của già làng, người có uy tín trong đồng bào DTTS.**

Hàng năm UBND huyện đã chủ động phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng tuyên truyền đối với già làng và người có uy tín. Tăng cường cung cấp thông tin về chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình kinh tế - Xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

Trong năm UBND huyện Hớn Quản đã tổ chức mở được 03 lớp với 122 lượt già làng, người có uy tín tham dự, ở cơ sở, mặt trận các cấp đã chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền mời già làng người có uy tín, tham gia triển khai các phong trào, các cuộc vận động như: Phong trào “ Quân chúng bảo vệ an ninh tổ quốc”; cuộc vận động “ Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; phối hợp trực tiếp hòa giải những vụ tranh chấp đất, đường đi khiếu kiện giữa các hộ gia đình trong ấp, sóc.

Ngoài ra, già làng và Người có uy tín với vốn hiểu biết phong phú, nhất là về phong tục tập quán và văn hóa bản sắc dân tộc mình, tích cực tuyên truyền vận động con cháu phần đầu vươn lên trong học tập, vận động người dân xóa bỏ những phong tục, tập quán lạc hậu, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; tham gia hiến đất, hiến công lao động, hiến công trình kiến trúc để giải phóng mặt bằng mở rộng tuyến đường giao thông nông thôn, xây dựng công trình phúc lợi..., góp phần xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

Bên cạnh đó, vai trò nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, già làng, người có uy tín đã tích cực tham gia xây dựng, củng cố và phát huy hiệu quả hoạt động của các tổ chức “ tự quản về an ninh trật tự” để giữ gìn an ninh trật tự ở ấp, sóc, đã tích cực phối hợp với các cấp, các ngành tham gia vận động đồng bào DTTS giao nộp vũ khí – Vật liệu nổ.

Hàng năm, huyện Hớn Quản tổ chức họp mặt già làng , người có uy tín trên

địa bàn huyện để biểu dương, khen thưởng nhằm động viên kịp thời cho già làng, người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS và tổ chức đi tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình tiên tiến về phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa Dân tộc..., trong tỉnh và ngoài tỉnh.

#### **4. Đánh giá chung**

##### **a) Thuận lợi:**

Trong những năm qua cho thấy vai trò của Già làng, người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS do UBND huyện Hớn Quản xây dựng và vận động ngày một tăng, có ảnh hưởng lớn, nhờ nỗ lực của công tác tuyên truyền, vận động thông qua già làng, người có uy tín mà các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã được thực hiện tốt ở các xã vùng đồng bào DTTS. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc được gìn giữ, nhiều lễ hội văn hóa, nghề truyền thống được khôi phục, phát huy trong đời sống, nhiều hủ tục được xóa bỏ giúp cho đời sống của đồng bào DTTS ở các xã vùng dân tộc được nâng cao, văn minh và tiến bộ hơn.

##### **b) Khó khăn hạn chế:**

Công tác phát huy vai trò của già làng, người có uy tín tại một số nơi chưa thường xuyên liên tục, chỉ tập thực hiện khi có chỉ đạo hoặc tình hình an ninh chính trị ở cơ sở phức tạp; mặc dù được quan tâm, tuyên truyền, cung cấp thông tin nhưng khả năng tiếp nhận thông tin của một số già làng, người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn còn chưa cao.

Việc củng cố xây dựng và nâng cao uy tín, phát huy vai trò ảnh hưởng cho già làng, người có uy tín chưa được quan tâm đúng mức; công tác phối kết hợp các ban, ngành, đoàn thể công an trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; trong công tác vận động, tuyên truyền việc phát huy vai trò của già làng, người có uy tín có nơi, có lúc còn thiếu chặt chẽ, chưa rõ ràng codn trùng lặp nên hiệu quả chưa cao.

#### **5. Giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác nay trong thời gian tới**

- *Một là:* Những kết quả đã được, trong công tác tuyên truyền vận động đồng bào DTTS thông qua già làng, người có uy tín trên địa bàn huyện Hớn Quản, phải được tiến hành thường xuyên và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong việc thống nhất các tiêu chuẩn của già làng, người có uy tín; mặt trận tổ quốc phải tích cực tìm hiểu, gặp gỡ, vận động già làng, người có uy tín để phát huy, tranh thủ tối đa khả năng, năng lực và uy tín của họ.

- *Hai là:* Cần xác định rõ nội dung, phương pháp vận động đối với từng cá nhân để phát huy năng lực sở trường của già làng, người có uy tín trong công tác vận động quần chúng, cần phát huy được vai trò, vị trí tầm ảnh hưởng của già làng, người có uy tín từng ấp, sóc từng dân tộc, từng họ để có phương pháp, sử dụng phù hợp.

- *Ba là:* Công tác vận động già làng, người có uy tín phải kết hợp giữa cá biệt

và vận động rộng rãi, đối với già làng, người có uy tín mà hoạt động kém hiệu quả, cần phải kịp thời nắm bắt tâm tư, tình cảm, những khuất mắc cần được giải đáp trong cuộc sống và không được xa lánh họ, mà phải thường xuyên gặp gỡ, tác động để chuyển hóa tư tưởng.

- *Bốn là*: Cơ quan làm công tác Dân tộc nói riêng, các cấp, các ngành nói chung cần tiếp tục tổ chức quán triệt các nội dung, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác vận động quần chúng, nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò, tầm ảnh hưởng của già làng và người có uy tín trong cộng đồng, họ chính là cái gốc, chỗ dựa tinh thần vững chắc cho mỗi gia đình, mỗi cá nhân trong cuộc sống và tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc.

- *Năm là*: Cần quan tâm thực hiện các chế độ chính sách, tuyên dương khen thưởng kịp thời những già làng, người có uy tín có thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực, nhằm kịp thời động viên đóng góp phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

*Kính thưa toàn thể hội nghị!*

Trên đây là tham luận “*Đánh giá kết quả triển khai thực hiện công tác phát huy vai trò của già làng tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới*” huyện Hớn Quản xin báo cáo hội nghị.

Xin trân trọng kính chúc quý vị đại biểu, cùng toàn thể các đồng chí mạnh khỏe hạnh phúc./.

